|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 1:**  *Ngày soạn ..................*  *Ngày dạy:...................* | **ÔN TẬP**  **THẦN THOẠI VÀ SỬ THI** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 1 *Thần thoại và sử thi*:

- Ôn tập một số yếu tố hình thức (không gian, thời gian, nhân vật, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật…) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thông điệp...) của truyện thần thoại; sử thi.

- Ôn tập về sửa lỗi dùng từ hình thức ngữ âm, chính tả và ngữ nghĩa; có thói quen cân nhắc trong việc sử dụng từ ngữ để diễn tả chính xác, đạt hiêu quả giao tiếp.

- Ôn tập cách viết và thực hành bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội: một hiện tượng trong cuộc sống hoặc một vấn đề đặt ra từ một hay một số tác phẩm văn học đảm bảo các bước.

**2. Năng lực:**

+ *Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+ *Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

**-** Cảm phục và trân trọng những con người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp.

- Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá trên thế giới.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1.Học liệu**:

- Tham khảo SGV, SGK Ngữ văn 10 Cánh diều, tập 1.

- Tài liệu ôn tập bài học.

**2. Thiết bị và phương tiện:**

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.

- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.

- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

**C.PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**- Phương pháp**: Thảo luận nhóm, động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

**- Kĩ thuật**: Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

**D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

Phạm thị Phương Thảo- THPT Tân Trào -0346036292

**BUỔI 1**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập.

**2. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ

**3. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**Báo cáo sản phẩm dạy học dự án mà GV đã giao sau khi học xong bài 1 buổi sáng:**

* **Nhóm 1, 2: Nhóm Phóng viên:**

**Yêu cầu:** Làm video giới thiệu thành tựu về thể loại Thần thoại và Sử thi của Việt Nam hoặc của thế giới.

* **Nhóm 3: Nhóm Hoạ sĩ** (PP phòng tranh)

**Yêu cầu:**

+ Cách 1: Chọn 1 văn bản trong bài học 1 và vẽ các bức tranh minh hoạ nội dung của văn bản đó (ghép nhiều tranh lại theo trình tự tạo thành 1 truyện tranh).

+ Cách 2: Triển lãm phòng tranh các bức tranh vẽ minh hoạ nội dung các văn bản đã học của bài 1.

* **Nhóm 4: Viết kịch bản và tập** đóng vai 1 trích đoạn trong một văn bản của bài học 1.

**(Nhiệm vụ các nhóm đã được giao trước một tuần sau tiết học buổi sáng)**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm dự án của nhóm.

GV khích lệ, động viên.

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập:**

Các nhóm nhận xét sản phẩm của nhóm bạn sau khi nhóm bạn báo cáo.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, khen và biểu dương các nhóm có sản phẩm tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 1 *Thần thoại và sử thi*:

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| **Đọc hiểu văn bản** | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+*** *Văn bản 1: Hê-ra-clét đi tìm táo vàng* (Trích thần thoại Hi Lạp);  *+ Văn bản 2:* *Chiến thắng Mtao-Mxây* (Trích sử thi *Đăm Săn* – sử thi Ê-đê) |
| **Thực hành đọc hiểu:**  *+ Thần Trụ trời* (Thần thoại Việt Nam)  *+ Ra-ma buộc tội (*Trích sử thi *Ra-ma-ya-na*, sử thi Ấn Độ) |
| **Thực hành Tiếng Việt:** Sửa lỗi dùng từ |
| **Viết** | **Viết:** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội |
| **Nghe** | **Nói và nghe:** Thuyết trình về một vấn đề xã hội |

**HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP: NHẮC LẠI KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học Bài 1 *Thần thoại và sử thi.*

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,

- HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi củaGV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 1.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tích cực trả lời.

- GV khích lệ, động viên

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm**

**-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

GV nhận xét, chốt kiến thức

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

✪ **KIẾN THỨC CHUNG VỀ THẦN THOẠI VÀ SỬ THI**

**Câu hỏi:**

* Hãy liệt kê lại các văn bản đọc hiểu của mỗi thể loại thần thoại và sử thi trong bài học 1**.**
* So sánh các đặc điểm của hai thể loại thần thoại và sử thi (không gian, thời gian, nhân vật, cốt truyện, lời nhân vật và lời người kể chuyện).
* Em hãy nêu những lưu ý khi đọc hiểu một văn bản thần thoại hay sử thi.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thể loại** | | **Thần thoại** | **Sử thi** |
| **Các văn bản đọc hiểu** | | *- Hê-ra-clét đi tìm táo vàng* (thần thoại Hy Lạp)  **-** Thần Trụ Trời (Thần thoại Việt Nam) | **-** *Chiến thắng Mtao Mxây* (Trích sử thi *Đăm Săn*)  - *Ra - ma buộc tội* (Trích sử thi *Ra-ma-ya-na* - Van-mi-ki) |
| **So sánh đặc điểm thể loại** | **a.Không gian** | KG vũ trụ nguyên sơ, thường chia làm 3 cõi: trời – đất - nước | KG cộng đồng, bao gồm: KG thiên nhiên, KG xã hội |
| **b.Thời gian** | TG quá khứ, không được xác định cụ thể | - TG quá khứ, trải qua nhiều biến cố;  - Gắn với lịch sử cộng đồng của dân tộc, bộ lạc, chế độ. |
| **c.Nhân vật** | Nhân vật thần: Có hình dạng và hành động phi thường, có khả năng biến hoá khôn lường. | Nhân vật người anh hùng: có sức mạnh, tài năng, phẩm chất và vẻ đẹp phi thường, dũng cảm, xả thân vì cộng đồng, tiêu biểu cho vẻ đẹp cộng đồng. |
| **d.Cốt truyện** | Thường gồm chuỗi các sự kiện (biến cố) được sắp xếp theo một trình tự nhất định. | |
| **e.Lời nhân vật và lời người kể chuyện** | - Lời người kể chuyện là lời của người thuật lại câu chuyện.  - Lời của nhân vật là lời nói trực tiếp của nhân vật. | |
| **Cách đọc hiểu** | | - Cốt truyện: Xác định những sự việc được kể, đâu là sự việc chính.  - Xác định được bối cảnh không gian, thời gian của câu chuyện.  **-** Nhân vật:Nhân vật chính là ai? Nhận biết tính cách nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, tâm lí, hành động và lời nói (Chú ý hình dạng và hành động phi thường, khả năng biến hoá khôn lường của nhân vật thần trong thần thoại).  - Xác định được những chi tiết hoang đường, tưởng tượng trong đoạn trích.  - Rút ra đề tài, chủ đề của đoạn trích thần thoại.  **-**  Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân. | - Cốt truyện: Xác định những sự việc được kể, đâu là sự việc chính.  - Xác định được bối cảnh không gian, thời gian của câu chuyện.  **-** Nhân vật:Nhân vật chính là ai? Nhận biết tính cách nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, tâm lí, hành động và lời nói. (Chú ý sức mạnh, tài năng, phẩm chất, vẻ đẹp phi thường, xả thân vì cộng đồng của người anh hùng)  - Xác định được những chi tiết hoang đường, tưởng tượng trong đoạn trích.  - Rút ra đề tài, chủ đề của đoạn trích sử thi.  **-**  Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân. |

✪ **VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

**\* Hoàn thành phiếu học tập 01: Chia lớp thành 06 nhóm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên đoạn trích/ truyện** | *Hê-ra-clét đi tìm táo vàng*  **(nhóm 1, 2)** | *Chiến thắng Mtao-Mxây*  **(nhóm 3, 4)** | *Thần Trụ trời*  **(nhóm 5)** | *Ra-ma buộc tội*  **(nhóm 6)** |
| 1**.** Nhân vật chính |  |  |  |  |
| 2. Các sự kiện chính | **………………..** | **………………..** | **………………..** |  |
| 3. Nội dung, ý nghĩa truyện | **………………..** | **………………..** | **………………..** |  |
| 4. Đặc sắc nghệ thuật |  |  |  |  |

**\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

|  |
| --- |
| **ÔN TẬP: HÊ-RA-CLÉT ĐI TÌM TÁO VÀNG**  (Thần thoại Hi Lạp) |

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Các sự việc chính**

**-** Giới thiệu thử thách lấy táo vàng.  
- Hê-ra-clét giao đấu với tên khổng lồ Ăng-tê.  
- Cứu thần Prô-mê-tê khỏi hình phạt của thần Dớt.

- Hê-ra-clét chống đỡ bầu trời thay thần Át-lát.

- Sau khi nhờ thần Át-lát lấy được táo vàng, Hê-ra-clét hoàn thành thử thách, mang táo vàng về cho vua Ơ-ri-xtê.

**2. Tóm tắt**

Văn bản kể lại hành trình đi tìm táo vàng của người anh hùng Hê-ra-clét theo lệnh của nhà vua Ơ-ri-xtê. Cây táo vàng vốn của nữ thần đất Gai-a vĩ đại, được canh giữ bởi con rồng trăm đầu La-đông và ba chị em tiên nữ Nanh-phơ. Trên đường đi tìm táo vàng, Hê-ra-clét gặp nhiều thử thách như phải giao đấu với hai cha con thần chiến tranh A-rét, đi tìm thần biển Nê-rê để hỏi đường, băng qua cực bắc, băng qua sa mạc, chiến đấu với gã khổng lồ độc ác Ăng-tê. Khi đặt chân đến Ai Cập, Hê-ra-clét còn suýt bị vua Ai Cập bắt làm vật hiến tế, chàng tiếp tục chiến đấu để lên đường. Cuối cùng, chàng cũng tới được vùng núi Cô-ca-dơ. Tại đây, chàng đã cứu được thần Prô-mê-tê đang bị thần Dớt trừng phạt. Để trả ơn Hê-ra-clét, thần Prô-mê-tê đã nói cho Hê-ra-clét biết, muốn lấy được táo vàng, phải nhờ thần At-lát. Vậy là Hê-ra-clét đi tìm thần Át-lát. Thần Át-lát lúc này đang phải khom lưng đỡ bầu trời. Theo lời đề nghị của thần Át-lát, Hê-ra-clét ghé vai gánh giúp bầu trời cho thần Át-lát để thần đi lấy giúp táo vàng. Lấy được táo vàng về, thần Át-lát toan lừa Hê-ra-clét gánh luôn bầu trời giúp mình, nhưng Hê-ra-clét nhanh trí đã nhận ra âm mưu ấy và tương kế tựu kế, thoát khỏi cái bẫy, mang táo vàng trở về.

**3. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:**

**3.1. Nghệ thuật:**

**a. Cốt truyện li kì với những chi tiết hoang đường, tưởng tượng dày đặc:**+ Những nhân vật hoang đường: thần Dớt, các tiên nữ E-xpê-rít, Đất Mẹ Gai-a, rồng trăm đầu, thần Chiến tranh, thần biển, gã khổng lồ Ăng-tê, thần Prô-mê-tê, thần Át-lát..  
  
+ Những chi tiết hoang đường: Gã khổng lồ Ăng-tê mỗi lần ngã xuống đất được Đất Mẹ Gai-a tiếp thêm cho sức mạnh; lá gan của thần Prô-mê-tê bị chim moi lại mọc lại được; thần Át-lát có thể đỡ cả bầu trời, Hê-ra-clét cũng có thể đỡ được bầu trời như thần Át-lát.  
  
🡺Ý nghĩa của các chi tiết hoang đường, tưởng tượng:

+ Chi tiết kỳ ảo thể hiện trí tưởng tượng của dân gian về sức mạnh của người anh hùng.

+ Làm cho câu chuyện thêm li kì, hấp dẫn; tăng thêm thử thách cho người anh hùng.

+ Từ đó góp phần tô đậm thêm chiến công vẻ vang của người anh hùng Hê-ra-clét.  
**b. Nghệ thuật xây dựng người anh hùng trong thần thoại Hi Lạp:**

- Xây dựng nhân vật anh hùng qua trí tưởng tượng bay bổng thông qua lời nói, hình dáng, hành động, suy nghĩ,…

- Xây dựng nhân vật chức năng: có ý nghĩa thể hiện niềm tin của con người cổ sơ cũng như những khát vọng tinh thần có ý nghĩa lâu dài của nhân loại.

- Thời gian phiếm chỉ, mang tính ước lệ và không gian vũ trụ với nhiều cõi khác nhau.

- Ngôn ngữ tự sự thể hiện lối tư duy hồn nhiên, chất phác.

- Cốt truyện hấp dẫn, sinh động, có những chi tiết bất ngờ thú vị thể hiện trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn, sức sáng tạo kì diệu của dân gian, góp phần làm nên sức cuốn hút và sức sống lâu bền cho thần thoại Hi Lạp.

**3.2. Nội dung**:

- Khắc hoạ vẻ đẹp hình tượng người anh hùng Hê-ra-clét trong chiến công đi tìm táo vàng. Hê-ra-clét hội tụ nhiều vẻ đẹp, tiêu biểu cho sức mạnh thể chất và trí tuệ của người Hi Lạp.

- Qua hành trình đi tìm táo vàng của người anh hùng Hê-ra-clét, có thể rút ra thông điệp về ý chí, nghị lực của con người trước khó khăn, thử thách, về sự nhanh trí khi giải quyết các tình huống trong cuộc sống.

**II. LUYỆN ĐỀ**

**DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**: **Nhân vật chính trong thể loại thần thoại là?**

A. Con người.

B. Các vị thần.

C. Các nhân vật anh hùng

D. Các vị thần, các nhân vật anh hùng, nhân vật sáng tạo văn hoá.

**Câu 2:** **Bối cảnh của đoạn trích “Hê-ra-clét đi tìm táo vàng” là gì?**

A. Hê-ra-clét là con riêng của thần Dớt và một người phụ nữ ở trần gian.

B. Vì ghen tuông, nữ thần Hê-ra vợ của Dớt đã làm Hê-ra-clét hoá điên sát hại vợ con mình nên Hê-ra-clét phải đi làm đầy tớ cho tên vua Ở-ri-xtê trong 12 năm.

C. Hê-ra-clét phải làm những công việc khó khăn, vất vả và nguy hiểm đến tính mạng, phải trải qua nhiều thử thách để lập được những chiến công phi thường.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 3: Ai là nhân vật chính của đoạn trích “Hê-ra-clét đi tìm táo vàng” ?**

1. Thần Dớt
2. Hê-ra-clét
3. Thần Prô-mê-tê
4. Thần Át-lát

**Câu 4: Người kể trong văn bản "Hê-ra-clét đi tìm táo vàng " kể chuyện theo ngôi thứ mấy?**

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ 2

C. Ngôi thứ 3 D. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3

**Câu 5**: **Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là:**

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Miêu tả

D. Tự sự và miêu tả

**Câu 6: Sự kiện nào KHÔNG có trong đoạn trích?**

A. Hê-ra-clét chiến thắng tên khổng lồ Ăng-tê

B. Hê-ra-clét giải cứu thần Prô-mê-tê

C. Hê-ra-clét giết con sư tử Nê-mê

B. Hê-ra-clét đấu trí với thần Át-lát

**Câu 7: Đâu KHÔNG phải là chi tiết hoang đường trong văn bản?**

1. Gã khống lõ Ăng-tê mỗi lần ngã xuống đất được thần đất tiếp thêm cho sức mạnh.
2. Thần Át-lát có thế đỡ cả bầu trời.
3. Hê-ra-clét giương cung bắn chết con đại bàng.
4. Buồng gan của thần Prô-mê-tê ban ngày bị con ác điểu ăn đi, ban đêm lại mọc ra nguyên vẹn.

**Câu 8**: **Ý nào sau đây khái quát đầy đủ nhất về nhân vật người anh hùng Hê-ra-clét?**

A. Là người thường nhưng có sức mạnh “sánh tựa thần linh”.

B. Là người anh hùng có trí tuệ thông minh, năng lực phi thường; có ý chí, nghị lực và có trái tim nhân hậu.

C. Là người dũng cảm, không chịu lùi bước trước thử thách.

D. Là người có trái tim nhân hậu, bao dung.

**Câu 9: Trong văn bản, tính cách nhân vật Hê-ra-clét hiện lên qua những yếu tố nào?**

A. Trang phục, hình dáng

B. Lời nói nhân vật, hành động

C. Hình dáng, lời của người kể chuyện

D. Hành động, lời nói nhân vật, lời người kể chuyện.

**Câu 10: Văn bản “Hê-ra-clét đi tìm táo vàng” gửi đến bạn đọc thông điệp gì?**

A. Con người cần dũng cảm đối mặt và vượt qua thử thách trong cuộc sống.

B. Cần tỉnh táo, nhanh trí khi giải quyết các tình huống trong cuộc sống.

C. Hãy giữ cho mình một trái tim nhân hậu.

C. Tất cả các ý trên

**DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

\*GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản: *“Hê-ra-clét đi tìm táo vàng” và các đoạn ngữ liệu về thần thoại ngoài SGK:*

**Đề số 01:**  **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

“...*Cuộc giao đấu giữa Hê-ra-clét và Ăng-tê diễn ra vô cùng quyết liệt. Ba lần Hê-ra-clét quật Ăng-tê ngã xuống đất, tưởng Ăng-tê chết hẳn thế mà chỉ thoáng một cái, Ăng-tê lại bật dậy, tiếp tục giao đấu với Hê-ra-clét. Thì ra Ăng-tê có một điều bí mật như một lá bùa hộ mệnh. Đó là nhờ thần Đất Mẹ Gai-a. […] Chính vị nữ thần này đã luôn luôn tiếp sức cho đứa con trai của mình. Tìm ra được điểm mạnh đó của Ăng-tê, Hê-ra-clét quyết loại trừ nó. Lừa một miếng sơ hơ, Hê-ra-clét gồng mình nhấc bổng Ăng-tê lên cho chân lìa khỏi mặt đất rồi chàng xoay ngược đầu Ăng-tê xuống. Nữ thần Đất Mẹ Gai-a không kịp tiếp sức được cho đứa con trai ghê gớm của mình, đành chịu để nó thiệt phận trong đôi tay rắn như sắt của Hê-ra-clét . […]*

*Nhiều nỗi gian nguy, nhiều cuộc xung đột mà Hê-ra-clét đã phải đương đầu. Cuối cùng, chàng tới được vùng Cô-ca-dơ (Caucase). Tại đây, chàng lập được một chiến công hiển hách lưu danh hậu thế. Chúng ta chắc chưa ai quên chuyện Prô-mê-tê bị Dớt trừng phạt. Trên đỉnh cao chót vót của một ngọn núi trong dãy Cô-ca-dơ, thần Dớt đã cho lũ tay sai đao phủ đóng đanh xiềng Prô-mê-tê vào núi đá. Thần Dớt còn sai một con đại bàng mỏ quắm móng nhọn ngày ngày tới mổ bụng ăn gan Prô-mê-tê. Nhưng buồng gan của Prô-mê-tê là bất tử. Nó bất tử như Ti-tăng (Titan) Prô-mê-tê. Vì thế, ban ngày buồng gan bị con ác điều ăn đi thì ban đêm nó lại mọc lại nguyên vẹn, tươi mới như chưa hề bị thương tổn. Prô-mê-tê đã dũng cảm chịu đựng cực hình như thế hàng bao thế kỉ. Hàng bao thế kỉ trôi qua nhưng Prô-mê-tê vẫn không hề khuất phục Dớt.*

*Hê-ra-clét đến. Chàng nhìn thấy vị ân nhân của loài người bị xiềng trên đỉnh núi cao chót vót và những cánh chim đang chấp chới, lượn lờ. Có lẽ giờ đây con đại bàng do Dớt phái đến đang moi khoét gan của vị thần ân nhân của loài người. Hê-ra-clét leo lên đỉnh núi. Kia rồi, cảnh tượng thương xót và tàn nhẫn ấy đang diễn ra như chọc vào mắt chàng. Tách một cái, con đại bàng ngã quay xuống đất. Chàng chạy lại chặt tung xiềng xích giải phóng cho Prô-mê-tê. Thế là hết, chấm hết vĩnh viễn từ đây cuộc đời khổ nhục bị xiềng xích vào ngọn núi đã cô quạnh này. Prô-mê-tê vươn vai sảng khoái, đón chào cuộc sống mới tự do*”.  
 *(*Theo *Thần thoại Hy Lạp*, tập II, NGUYỄN VĂN KHOA sưu tầm và biên soạn, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1986*)*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2.** Đoạn trích kể lại những sự việc chính nào?

**Câu 3.** Chỉ ra những chi tiết hoang đường, kì ảo trong đoạn trích trên. Cho biết ý nghĩa của những chi tiết đó.

**Câu 4.** Làm cách nào mà Hê-ra-clét có thể thắng được tên khổng lồ Ăng-tê? Chiến thắng của Hê-ra-clét trước tên khổng lồ Ăng-tê cho thấy vẻ đẹp nào của Hê-ra-clét?

**Câu 5**.Vì sao Hê-ra-clét lại giải cứu cho thần Prô-mê-tê? Điều đó cho thấy vẻ đẹp gì của Hê-ra-clét?

**Câu 6.** Người anh hùng Hê-ra-clét đã vượt qua nhiều khó khăn để hoàn thành thử thách hái táo vàng về cho nhà vua Ơ-ri-xtê. Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 8 - 10 dòng) trình bày suy nghĩ về sức mạnh của ý chí con người.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.

**Câu 2:** Đoạn trích kể lại 2 sự kiện chính:

* Hê-ra-clét chiến thắng tên khổng lồ Ăng-tê.
* Hê-ra-clét giải cứu thần Prô-mê-tê.

**Câu 3:**

**- N**hững chi tiết hoang đường, kì ảo trong đoạn trích:

+ Những nhân vật hoang đường: Đất Mẹ Gai-a, gã khổng lồ Ăng-tê, thần Prô-mê-tê, thần Dớt.  
+ Những chi tiết hoang đường: Gã khổng lồ Ăng-tê mỗi lần ngã xuống đất được Đất Mẹ Gai-a tiếp thêm cho sức mạnh; lá gan của thần Prô-mê-tê ban ngày bị con ác điểu ăn đi thì ban đêm lại mọc lại nguyên vẹn, tươi mới.

- Ý nghĩa của các chi tiết hoang đường, tưởng tượng:

+ Làm cho câu chuyện thêm li kì, hấp dẫn; tăng thêm thử thách cho người anh hùng.

+ Từ đó góp phần tô đậm thêm chiến công vẻ vang của người anh hùng Hê-ra-clét.

+ Chi tiết lá gan bất tử của thần Prô-mê-tê là hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng, biểu tượng cho lòng dũng cảm của vị thần ân nhân của loài người.

**Câu 4:**

- Hê-ra-clét có thể thắng được tên khổng lồ Ăng-tê vì Hê-ra-clét đã nhanh trí nắm được điều bí mật làm nên sức mạnh của Ăng-tê (do hắn được Đất Mẹ Gai-a tiếp sức), từ đó Hê-ra-clét đã có chiến thuật hợp lí để chiến thắng tên khổng lồ ghê gớm Ăng-tê.

- Chiến thắng tên khổng lồ Ăng-tê cho thấy sức mạnh thể chất và trí tuệ nhạy bén của người anh hùng Hê-ra-clét.

**Câu 5:**

- Hê-ra-clét cứu thần Prô-mê-tê vì biết rằng vị thần này vì loài người mà bị Dớt trừng phạt: Prô-mê-tê đã ăn trộm lửa của thần Dớt đem xuống cho loài người => Prô-mê-tê đã bị thần Dớt trừng phạt bằng cực hình vô cùng khủng khiếp (bị đóng đanh xiềng vào núi đá, bị con ác điểu ngày ngày tơi moi gan).

- Hê-ra-clét đã giải cứu được thần Prô-mê-tê khỏi cực hình. Điều đó cho thấy tấm lòng nhân hậu, sự biết ơn của chàng với vị ân nhân của loài người; đồng thời cho thấy sự căm thù cái ác, tài năng và sức mạnh của người anh hùng Hê-ra-clét.

**Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

**Gợi ý:** Sức mạnh của ý chí của con người trong cuộc sống:

+ Ý chí mạnh mẽ, kiên cường có sức mạnh vô cùng to lớn, giúp mỗi người, mỗi tập thể, mỗi quốc gia vượt qua những thử thách khó khăn để đạt được mục tiêu, mơ ước của mình.

+ Với ý chí và nghị lực phi thường, những con người không may mắn vẫn phấn đấu vươn lên sống hạnh phúc, trở thành người có ích, truyền cảm hứng cho cộng đồng.

+ Bằng ý chí mạnh mẽ, ta sẽ làm chủ được bản thân, không bị sa ngã trước những cám dỗ cuộc đời; giúp con người suy nghĩ đúng đắn và tích cực hơn.

...

**ĐỀ ĐỌC HIỂU THẦN THOẠI NGOÀI SGK**

**Đề số 02:**  **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Người anh hùng vĩ đại của người A-ten là Tê-dê. Chàng đã có nhiều cuộc phiêu lưu và tham dự nhiều sự kiện quan trọng đến nỗi ở A-ten người ta có câu “Không có việc gì mà không có Tê-dê”.*

*Chàng là con của vua Ê-giê tại A-ten. Tuy nhiên thuở nhỏ chàng sống nơi quê mẹ, trong một thành phố phía nam Hy Lạp. Ê-giê quay trở về Hy Lạp lúc Tê-dê chưa sinh ra, nhưng trước khi đi ông có đặt một thanh kiếm và một đôi giày vào trong một cái hố và lấp lại bằng một tảng đá lớn. Ông làm việc này với sự chứng kiến của vợ và dặn rằng khi nào đứa con trai – nếu nàng sinh ra con trai – của họ lớn lên đủ mạnh để lăn hòn đá này đi và lấy những thứ cất bên dưới thì hãy cho nó đến A-ten nhận cha. Đứa bé sinh ra là con trai và khoẻ mạnh hơn các trẻ khác rất nhiều, thế nên khi mẹ cậu cuối cùng dẫn cậu đến nơi hòn đá thì cậu nhấc nó lên một cách dễ dàng. Bà bèn bảo cậu rằng đã đến lúc cậu đi tìm cha và đã có một chiếc thuyền được ông ngoại cậu dành sẵn cho cậu. Nhưng Tê-dê không muốn đi bằng đường thuỷ vì chuyến đi như thế quá an toàn và nhàn nhã. Ý nghĩ của chàng là sớm trở thành một đại anh hùng, và quá an toàn, dễ dãi không phải là cách để đạt tới điều đó. Chàng luôn luôn mơ tưởng được như Hê-ra-cờ-lét – vị anh hùng sáng chói nhất trong các anh hùng của người Hy Lạp, và chàng quyết định hành động sao cho sáng chói như thế. Điều này hoàn toàn tự nhiên vì hai người là anh em họ.*

*Do đó, chàng khăng khăng từ chối chiếc thuyền mà mẹ và ông ngoại chàng đã thuyết phục chàng sử dụng, chàng bảo rằng đi bằng thuyền như thế là sự lẩn trốn gian nguy một cách hèn hạ và chàng quyết tâm đi đến A-ten bằng đường bộ. Đây là một chuyến đi dài và rất nguy hiểm vì bọn cướp đầy đường. Tuy nhiên, chàng đã tiêu diệt sạch bọn chúng, chàng chẳng để sót một tên nào có thể quấy nhiễu khách bộ hành tương lai. […]*

*(*Theo Ê-đi Ha-min-tơn, *Huyền thoại phương Tây, Chương Ngọc dịch, NXB Mỹ thuật, Hà Nội, 2004)*

**Câu 1.** Xác định ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2.** Theo đoạn trích, Tê-dê có nguồn gốc xuất thân như thế nào?

**Câu 3.** Nêu ý nghĩa câu nói của người dân ở A-ten:*“Không có việc gì mà không có Tê-dê”.*

**Câu 4.** Thử thách đầu tiên mà cha của Tê-dê đặt ra cho con trai trong đoạn trích là gì? Theo em, mục đích của thử thách đó là gì?

**Câu 5.** Thông tin “*Nhưng Tê-dê không muốn đi bằng đường thuỷ vì chuyến đi như thế quá an toàn và nhàn nhã”* giúp em hiểu gì về Tê-dê?

**Câu 6.** Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 8 - 10 dòng) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của những khó khăn, thử thách đối với con người.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Ngôi kể thứ ba.

**Câu 2:** Theo đoạn trích, nguồn gốc xuất thân của Tê-dê là: *Chàng là con của vua Ê-giê tại A-ten; thuở nhỏ chàng sống nơi quê mẹ, trong một thành phố phía nam Hy Lạp*

**Câu 3:**

Câu nói của người dân ở A-ten:*“Không có việc gì mà không có Tê-dê”:*

+ Khẳng định sự nghiệp lẫy lừng của người anh hùng Tê-dê: chàng đã tham dự nhiều sự kiện quan trọng, lập được nhiều chiến công cho người dân A-ten.

+ Thể hiện thái độ ngợi ca của nhân dân A-ten dành cho người anh hùng Tê-dê.

**Câu 4:**

* Thử thách đầu tiên mà cha của Tê-dê đặt ra cho con trai trong đoạn trích là: Trước khi quay trở về Hy Lạp, cha của Tê-dê khi đó đã đặt một thanh kiếm và một đôi giày vào trong một cái hố và lấp lại bằng một tảng đá lớn. Ông làm việc này với sự chứng kiến của vợ và dặn rằng khi nào đứa con trai – nếu nàng sinh ra con trai – của họ lớn lên đủ mạnh để lăn hòn đá này đi và lấy những thứ cất bên dưới thì hãy cho nó đến A-ten nhận cha.
* Mục đích của thử thách này: muốn kiếm tra xem cậu con trai có đủ sức mạnh về thể chất, đủ ý chí, đủ trưởng thành đã đối mặt với những thử thách trên đường đi tìm cha hay không.

**Câu 5:**

Thông tin “*Nhưng Tê-dê không muốn đi bằng đường thuỷ vì chuyến đi như thế quá an toàn và nhàn nhã*” cho ta thấy: Tê-dê là người ưa khám phá, ưa thử thách, mạo hiểm. Chàng lựa chọn con đường có nhiều thử thách, khó đi thay vì chọn con đường dễ dàng bởi con đường dễ đi, nhàn nhã, an toàn không phải con đường dành cho người anh hùng. Chàng muốn thử thách bản thân mình, muốn đối diện với gian nguy, muốn mình được trải qua những trải nghiệm để học hỏi.

**Câu 6.** HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

**- Hình thức:** đảm bảo dung lượng số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** Ý nghĩa của thử thách với con người:

+ Những khó khăn, thử thách là môi trường giúp ta rèn luyện bản lĩnh vững vàng.

+ Giúp ta rèn luyện ý chí, nghị lực; có sức mạnh tinh thần để từng bước dấn thân vào cuộc đời; làm chủ cuộc đời của mình…

+ Vượt qua khó khăn, thử thách giúp ta có thêm kinh nghiệm để phát triển tương lai.

**DẠNG 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Câu 1:** Viết đoạn văn ngắn (5- 7 dòng) nêu cảm nhận của em về một chi tiết hoặc hình ảnh của văn bản “Hê-ra-clét đi tìm táo vàng” mà em thấy ấn tượng.

**Gợi ý**

***Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 dòng. |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: cảm nhận về một chi tiết hoặc hình ảnh trong đoạn trích “*Hê-ra-clét đi tìm táo vàng*”: vị trí của chi tiết/hình ảnh; giá trị, ý nghĩa biểu tượng của chi tiết/hình ảnh đó. |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |

**Đoạn văn tham khảo:**

Chi tiết Hê-ra-clét đấu trí với thần Át – lát khiến em thích thú. Sau nhiều thử thách buộc Hê-ra-clét phải bộc lộ sức khỏe, năng lực và phẩm chất ý chí phi thường, thì thử thách cuối cùng, tuy không đến từ những đối thủ luôn muốn tiêu diệt chàng, nhưng nếu Hê-ra-clét không nhanh trí vượt qua thì suốt đời chàng phải gánh bầu trời cho thần Át-lát. Hê-ra-clét không những nhận ra ý đồ của thần Át-lát, mà còn nhanh trí tương kế tựu kế "lừa" ngược lại để thần phải chịu thua. Cuối cùng, chàng đã mang về được những quả táo vàng quý giá cho tên vua Ơ-ri-xtê. Đó là phần thưởng xứng đáng cho sự gan dạ, dũng cảm, ý chí nghị lực phi thường và trí tuệ của người anh hùng.

**Câu 2:** Cảm nhận vẻ đẹp của người anh hùng Hê-ra-clét qua đoạn trích *Hê-ra-clét đi tìm táo vàng* (Trích thần thoại Hy Lạp)

**Gợi ý dàn ý**

|  |
| --- |
| **1. Mở bài**  **-** Giới thiệu thần thoại Hi Lạp.  - Giới thiệu đoạn trích ““Hê-ra-clét đi tìm táo vàng” và hình tượng người anh hùng Hê-ra-clét.  Ví dụ: Hi Lạp được coi là một trong những chiếc nôi văn minh của nhân loại. Trong các thành tựu văn học của đất nước Hi Lạp cổ đại, không thể không kể đến thần thoại Hi Lạp. Hiếm có thần thoại của một dân tộc nào lại luôn luôn tái sinh, thường xuyên có mặt trong đời sống thường ngày suốt từ đó đến nay như thần thoại Hi Lạp. Trong các nhân vật của thần thoại Hi Lạp, cả thần và người, có lẽ nhân vật được yêu thích hơn cả là người anh hùng Hê-ra-clét. Chàng là một bán thần, gắn với những chiến công vang dội khắp bốn phương, mang ý nghĩa sâu sắc, là biểu tượng cho sức mạnh chinh phục tự nhiên của con người Hi Lạp thời xưa.Vẻ đẹp của người anh hùng Hê-ra-clét được khắc hoạ nổi bật qua đoạn trích “Hê-ra-clét đi tìm táo vàng”. |
| **2. Thân bài**  **B1: Khái quát chung**  **-** Khái quát về người anh hùng Hê-ra-clét gắn với những chiến công vang dội:  + Hê-ra-clét là con của thần Dớt và một người phụ nữ dưới trần gian.  + Vì ghen tuông nên nữ thần Hê-ra – vợ của Dớt đã nhiều lần tìm cách hãm hại chàng.  +Hê-ra-clét nổi tiếng với [mười hai kỳ công](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C6%B0%E1%BB%9Di_hai_k%E1%BB%B3_c%C3%B4ng_c%E1%BB%A7a_Heracles) khi phải làm nô lệ cho vua Ơ-ri-xtê để chịu sự trừng phạt cho việc giết vợ con của mình - một hành động là kết quả của một cơn điên do Hê-ra gây nên.  + Với 12 chiến công hiển hách, phi thường trong 12 năm làm đầy tớ cho vua Ơ-ri-xtê, Hê-ra-clét đã trờ thành biểu tượng cho sức mạnh thể chất và tinh thần cho người Hi Lạp cổ đại.  - Giới thiệu vị trí đoạn trích, tóm tắt, khái quát giá trị của đoạn trích,…  Đoạn trích kể về hành trình đi tìm những quả táo vàng – chiến công thần kì của người anh hùng Hê-ra-clét. |
| **B2: Phân tích vẻ đẹp Hê-ra-clét trong đoạn trích theo luận điểm**  **2.1. Chiến công đi tìm táo vàng**  **a. Giới thiệu thử thách**  - Thử thách: Hê-ra-clét phải đoạt được những quả táo vàng của những tiên nữ E-xpê-rít.  - Nguồn gốc cây táo vàng: là do nữ thần Gai-a, mẹ của muôn loài, tặng cho nữ thần Hê-ra làm quà mừng nhân ngày kết hôn của Hê-ra và thần Dớt.  - Đặc điểm của cây táo vàng:  + Được trồng ở một khu vườn thâm nghiêm, cách không xa nơi thần Át-lát giơ vai chống đỡ bầu trời.  + Hê-ra giao khu vườn cho con rồng La-đông trăm đầu trông coi ngày đêm; cẩn thận hơn Hê-ra còn giao cho 3 chị em tiên nữ Chiều Hôm Ê-xpê-rít trông coi.  **b. Vượt qua thử thách**  Hê-ra-clét phải vượt qua bao thử thách trên đường đi tìm những quả táo vàng: giao đấu với 2 cha con thần Chiến tranh A-rét; đi tìm thần biển Nê-rê để hỏi đường, băng qua cực bắc, băng qua sa mạc,… và lập nhiều chiến công khác.  **\*Chiến thắng tên khổng lồ Ăng-tê:**  - Ăng-tê là con Đất Mẹ Gai-a, có sức mạnh phi thường. Khi giao đấu, nếu chân Ăng-tê chạm đất sẽ được Đất Mẹ Gai-a truyền sức mạnh bất khả chiến bại.  - Cuộc giao đấu giữa Hê-ra-clét và Ăng-tê diễn ra vô cùng quyết liệt, logic và hấp dẫn: + Ba lần Hê-ra-clét quật được Ăng-tê ngã xuống đất nhưng nhờ được Đất Mẹ Gai-a truyền sức mạnh mà hắn lại bật dậy.  + Biết được điểm mạnh của Ăng-tê, chàng thay đổi cách đánh: Hê-ra-clét đã nhấc bổng Ăng-tê lên, xoay ngược đầu hắn xuống, nhờ đó Hê-ra-clét đã tiêu diệt được tên khổng lồ Ăng-tê.  🡺 Hê-ra-clét chiến thắng Ăng-tê bằng sức mạnh thể chất và cả trí tuệ của mình.  **\*Giải cứu thần Prô-mê-tê:**  - Vì lấy trộm ngọn lửa của thần Dớt – chúa tể các vị thần để trao cho loài người, thần Prô-mê-tê đã bị thần Dớt trừng phạt bằng cực hình vô cùng khủng khiếp.  - Hình phạt của thần Dớt đối với thần Prô-mê-tê:  + Prô-mê-tê bị đóng đanh xiềng vào núi đá cao.  + Dớt sai 1 con đại bàng mỏ quắm móng nhọn ngày ngày tới mổ bụng ăn gan của Prô-mê-tê.  **-** Hê-ra-clét giải cứu thần Prô-mê-tê:  **+**  Chứng kiến cực hình tàn nhẫn mà thần Dớt trừng phạt thần Prô-mê-tê, Hê-ra-clét động lòng thương xót, chàng đã chiến đấu với con đại bàng to lớn để cứu thần Prô-mê-tê: Hê-ra-clét leo lên đỉnh núi cao, giương cung và bắn con đại bàng đang moi gan thần Prô-mê-tê.  + Chàng chặt tung xiềng xích giải phóng cho vị thần => thần Prô-mê-tê được tự do, kết thúc cuộc đời khổ nhục bởi xiềng xích.  🡺 Bằng tấm lòng nhân hậu, biết ơn vị ân nhân của loài người, bằng sự căm thù cái ác, bằng tài năng và sức mạnh của mình, chàng Hê-ra-clét đã giải thoát cho thần Prô-mê-tê khỏi cực hình bấy lâu nay. Đáp lại, thần Prô-mê-tê đã mách cho Hê-ra-clét phải nhờ đến thần Át-lát để hái những quả táo vàng.  **\*Gánh đỡ bầu trời cho thần Át-lát:**  Nghe theo lời thần Prô-mê-tê mách bảo, Hê-ra-clét tìm đến nhờ thần Át-lát lấy hộ những quả táo vàng ở khu vườn cấm do ba tiên nữ E-xpê-rít trông coi để đem về Mi-xen cho vua Ơ-ri-xtê.  - Thần Át-lát đồng ý đi lấy hộ táo cho Hê-ra-clét với yêu cầu: chàng Hê-ra-clét phải gánh đỡ bầu trời thay thần Át-lát trong khi vị thần này đi lấy táo.  - Hê-ra-clét nhận lời gánh bầu trời thay Át-lát. Dù phải chịu sức nặng ghê gớm chưa từng thấy trên lưng, nhưng nhờ có sự giúp đỡ của nữ thần A-tê-na, Hê-ra-clét vẫn đứng vững cho đến khi Át-lát quay trở về.  => Chi tiết He-ra-clét giơ lưng chống đỡ bầu trời thay Át-lát ca ngợi sức mạnh thể chất của chàng sánh tựa thần linh, làm được những điểu phi thường tưởng chừng chỉ có các vị thần mới làm được. Qua đó ca ngợi ý chí và sức mạnh tinh thần của con người Hi Lạp thời cổ đại.  - **Cuộc đấu trí giữa Hê-ra-clét và thần Át-lát:**  + Thần Át-lát định lừa Hê-ra-clét gánh thay bầu trời cho mình vĩnh viễn - hình phạt mà thần Dớt đã dành riêng cho Át-lát. Át-lát ngỏ lời muốn thay Hê-ra-clét đem những quả táo vàng tới Mi-xen.  + Đoán được ý đồ đen tối của Át-lát, chàng Hê-ra-clét đã “tương kế tựu kế”, khiến cho thần Át-lát không đạt được ý đồ của mình.  🡺 Cuộc đấu trí giữa Hê-ra-clét và thần Át-lát cho thấy sự nhanh nhạy trong tư duy và trí tuệ của người anh hùng Hê-ra-clét.  \* **Nhận xét:**  - Qua hành trình vượt qua những thử thách trên đường đi tìm kiếm những quả táo vàng, nhân vật Hê-ra-clét hiện lên là người anh hùng có trí tuệ thông minh, năng lực phi thường, người có ý chí, nghị lực và có trái tim nhân hậu. Dù phải trải qua hành trình đằng đẵng (lên cực Bắc, qua sa mạc), mù mịt (không biết cây táo vàng ở đâu), đầy thử thách và nguy hiểm rình rập nhưng chàng không hề chùn bước, quyết tâm thực hiện nhiệm vụ đến cùng.  - Hình tượng người anh hùng Hê-ra-clét cùng với những chiến công lẫy lừng tiêu biểu cho sức mạnh thể chất và trí tuệ của người Hi Lạp.  - Người anh hùng Hê-ra-clét được xây dựng sáng tạo bằng trí tưởng tượng và cảm xúc thẩm mĩ phong phú, bằng ước mơ của người Hi Lạp xưa về mẫu người anh hùng hội tụ những phẩm chất tốt đẹp: có sức mạnh phi thường, có trí tuệ, giàu ý chí nghị lực và có một trái tim nhân hậu. Đó cũng là những nét đẹp mà người Hi Lạp hướng đến.  2. **2. Ý nghĩa chiến công của Hê-ra-clét**  - Thông qua chiến công đi tìm táo vàng của người anh hùng Hê-ra-clét, đoạn trích đã phản ánh nhận thức và cách lí giải của con người cổ đại về hành trình gian khổ của con người chinh phục thiên nhiên bằng sức mạnh ý chí và trí tuệ, làm nên những điều phi thường.  - Ngày nay, câu chuyện *Hê-ra-clét đi tìm táo vàng*vẫn có sức hấp dẫn đặc biệt bởi sự li kì trong từng thử thách dành cho nhân vật, bởi những yếu tố kì ảo đậm nét, bởi sự khắc họa hình ảnh nhân vật người anh hùng với sự hội tụ của nhiều vẻ đẹp.  => Hình ảnh người anh hùng Hê-ra-clét dấn thân vào những thử thách để lập nên những chiến công lẫy lừng sẽ mãi là hình ảnh đẹp, là biểu tượng về ý chí nghị lực của con người, cổ vũ con người dám chinh phục những điều lớn lao trong cuộc sống.  **2.3**. **Đánh giá khái quát**  **\*Đặc sắc nghệ thuật**  - Kết hợp các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Cốt truyện li kì, hấp dẫn với các chi tiết hoang đường, tưởng tượng.  - Ngôn ngữ thần thoại sinh động, đan xen lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Xây dựng hình tượng nhân vật thông qua trí tưởng tượng, qua hình dáng, cử chỉ, hành động, lời nói,…  **\*Đặc sắc nội dung**  - Hê-ra-clét hội tụ nhiều vẻ đẹp, tiêu biểu cho sức mạnh thể chất và trí tuệ của người Hi Lạp.  - Qua hành trình đi tìm táo vàng của người anh hùng Hê-ra-clét, có thể rút ra thông điệp về ý chí, nghị lực của con người trước khó khăn, thử thách, về sự nhanh trí khi giải quyết các tình huống trong cuộc sống. |
| **3. Kết bài**  - Khái quát lại vẻ đẹp của người anh hùng Hê-ra-clét trong đoạn trích.  - Nếu suy nghĩ của bản thân. |

**BUỔI 2:**

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2: CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY**

**(Trích *Đăm Săn* – sử thi Ê-đê)**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Tác phẩm sử thi “Đăm Săn”**

- Thể loại: Sử thi anh hùng của dân tộc Ê-đê (Tây Nguyên).

- Bộ sử thi dài 2077 câu, thể hiện nét lịch sử văn hóa của người đồng bào Tây Nguyên.

- Tóm tắt:

+ Đăm Săn về làm chồng hai chị em Hơ Nhị và Hơ Bhị, trở thành một tù trưởng oai danh, giàu có

+ Các từ trưởng Kên Kên và Sắt lừa bắt Hơ Nhị về làm vợ. Đăm Săn đánh trả và chiến thắng

+ Đăm Săn chặt cây Sơ – múc (Cây thần vật tổ bên nhà vợ), làm cả hai vợ đều chết. Chàng lên trời xin thuốc cứu hai vợ thành công

+ Chàng đi hỏi nữ thần mặt trời làm vợ nhưng bị từ chối. Trên đường trở về, Đăm Săn bị chết ngập trong rừng Sáp đen.

+ Hồn Đăm Săn biến thành con ruồi, bay vào miệng chị gái Hơ-Âng. Nàng có thai và sinh ra Đăm Săn cháu, tiếp tục sự nghiệp của người cậu anh hùng.

**2. Đoạn trích “Chiến thắng Mtao Mxây”**

**2.1**. **Vị trí đoạn trích:** Đoạn trích nằm ở phần giữa của tác phẩm kể về việc Đăm Săn đánh thắng từ trưởng Sắt (Mtao Mxây) cứu vợ.

**2.2*.* Cốt truyện:**

**- Nhân vật:** tù trưởng Đăm Săn, tù trưởng Mtao Mxây, Hơ Nhị, Ông Trời,…

*-***Những sự việc chính:**

+ Đăm Săn tới tận nhà Mtao Mxây khiêu chiến, giao đấu với Mtao Mxây và giành chiến thắng.

+ Đăm Săn thuyết phục tôi tớ, dân làng Mtao Mxây đi theo mình.

+ Đăm Săn cùng dân làng tổ chức ăn mừng chiến thắng.

**2.3. Đặc sắc nội dung và nghệ thuật**

**a. Nghệ thuật:**

- Biện pháp khoa trương cường điệu được sử dụng triệt để trong việc miêu tả người anh hùng lí tưởng của bộ tộc, làm cho người anh hùng đẹp toàn diện, từ lí tưởng, thể chất, hành động.

- Sử dụng ngôn ngữ : Ngôn ngữ đối thoại linh hoạt, giàu kịch tính, ngôn ngữ người kể chuyện hấp dẫn, sinh động.

- Hình ảnh ví von so sánh, giàu nhạc điệu, gắn với lời ăn tiếng nói của người Tây Nguyên.

- Kết cấu đối xứng.

- Giọng văn trang trọng, hào hùng.

**b. Nội dung:**

**-** Ca ngợi người anh hùng tài năng, phẩm chất cao đẹp: trọng danh dự, gắn bó với hạnh phúc gia đình, thiết tha với sự phồn vinh của thị tộc.

- Khát vọng cao đẹp của con người đã được khẳng định từ ngàn xưa.

**II. LUYỆN TẬP**

**DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Hành động nào của Đăm Săn thể hiện tính cộng đồng?

A. Gọi dân làng theo mình

B. Đăm Săn mộng thấy ông trời.

C. Gọi Mtao Mxây múa dao.

D. Đăm săn cúng thần linh.

**Câu 2:** Vật nào sau đây trong đoạn trích được xem là thần kì?

A. Chày mòn

B. Cồng Hlong

C. Miếng trầu

D. Khiên

**Câu 3:** Ở đoạn trích ***Chiến thắng Mtao Mxây,*** tác giả dân gian dành nhiều câu miêu tả cảnh ăn mừng chiến thắng hơn cảnh đổ máu trong giao tranh là vì sao?

A. Họ không có mặt ở đó vì bận lao động sản xuất.

B. Họ không am hiểu cách giao chiến giữa hai tù trưởng.

C. Họ xem trọng cuộc sống thịnh vượng no đủ, sự lớn mạnh của cộng đồng.

D. Họ không xem trọng cuộc giao tranh vì họ biết chắc tù trưởng của họ sẽ thắng.

**Câu 4:** Tại sao muốn chiến thắng Mtao Mxây mà Đăm Săn lại không nhân cơ hội đâm lén y?

A.Vì Đăm Săn sợ võ nghệ của Mtao Mxây

B. Vì Đăm Săn trọng danh dự

C. Vì dân làng Mtao Mxây ngăn cản

D.Vì không có thời cơ thích hợp

**Câu 5:** Trong trận đánh với Mtao Mxây, Đăm Săn đã làm gì mới hạ được hắn?

A. Dùng cây giáo thần, cây giáo dính đầy oan hồn của chàng đâm hắn.

B. Dùng một cái chày mòn ném vào vành tai hắn.

C. Dùng một cái chày mòn ném vào cánh tay hắn.

D. Dùng cái cối xay ném vào vành tay hắn.

**Câu 6:**  Trong đoạn trích ***Chiến thắng Mtao Mxây***, vai trò của nhân vật ông Trời trong cuộc chiến của Đăm Săn là:

A. Góp phần hạn chế sức mạnh của kẻ thù đối nghịch với người anh hùng.

B. Người giúp đỡ các nhân vật hiền lành, lương thiện trong lúc gian nan.

C. Thể hiện uy lực của thần linh trong việc quyết định những chiến thắng của nhân vật anh hùng.

D. Cố vấn, phù trợ cho nhân vật anh hùng.

**Câu 7:** Nhân vật Đăm Săn được miêu tả chủ yếu bằng thủ pháp nghệ thuật nào?

A. So sánh, phóng đại

B. So sánh, nhân hoá

C. Ẩn dụ, so sánh

D. Ẩn dụ, phóng đại

**Câu 8:** Chi tiết nào sau đây sử dụng biện pháp so sánh, phóng đại?

A. Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây.

B. Đăm Săn uống không biết say, ăn không biết no.

C. Chàng múa trên cao, gió như bão.

D. Đăm Săn cắt đầu Mtao Mxây đem bêu ngoài đường.

**Câu 9**. [Hành động nào trong những câu sau không nói về Đăm Săn?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/-hanh-dong-nao-trong-nhung-cau-sau-khong-noi-ve-dam-san-4604)

A. Bước cao bước thấp chạy hết bãi tây sang bãi đông.

B. Chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây.

C. Một lần xốc tới vượt một đồi tranh.

D. Múa trên cao như gió bão, múa dưới thấp như gió lốc.

**Câu 10**: Ý nào sau đây không đúng?

A. Đăn Săn chiến đấu với Mtao Mxây để đòi lại danh dự cho cộng đồng.

B. Vẻ đẹp của Đăm Săn là sự kết hợp giữa sức mạnh của thể chất và tài năng phi thường, trọng danh dự.

C. Đăm Săn được miêu tả bằng nghệ thuật so sánh và nhân hoá.

D. Đăm Săn chiến thắng một phần là nhờ sự ủng hộ của thần linh và nhân dân.

**DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

      […] Đăm Săn rung khiên múa. Một lần xốc tới chàng vượt một đồi tranh. Một lần xốc tới, chàng vượt một đồi lồ ô. Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây. Còn Mtao Mxây thì bước thấp bước cao, chạy hết bãi tây sang bãi đông. Hắn vung dao chém phập một cái, nhưng chỉ vừa trúng một cái chão cột trâu.

**Đăm Săn** – Sao ngươi lại chém cái chão cột trâu? Còn khoeo chân ta, ngươi dành làm gì?

Đến lúc này, Mtao Mxây bảo Hơ Nhị quăng cho hắn một miếng trầu. Nhưng Đăm Săn đã đớp được miếng trầu. Chàng nhai trầu, sức chàng tăng lên gấp bội.

**Đăm Săn** – Bớ diêng, bây giờ ngươi lại chạy, ta đuổi coi!

Thế là Đăm Săn lại múa. Chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc. Chòi lẫm đổ lăn lóc. Cây cối chết rụi. Khi chàng múa dưới thấp, vang lên tiếng đĩa khiên đồng. Khi chàng múa trên cao, vang lên tiếng đĩa khiên kênh. Khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ bay tung. Cây giáo thần, cây giáo dính đầy những oan hồn của chàng nhằm đùi Mtao Mxây phóng tới, trúng nhưng không thủng. Chàng đâm vào người Mtao Mxây cũng không thủng.

Đến lúc này Đăm Săn đã thấm mệt. Chàng vừa chạy vừa ngủ, mộng thấy ông Trời.

**Đăm Săn** - Ối chao, chết mất thôi ông ơi! Cháu đâm mãi mà không thủng hắn!

**Ông Trời** - Thế ư, cháu? Vậy thì cháu hãy lấy một cái chày mòn ném vào vành tai hắn là được.

Đăm Săn bừng tỉnh, chộp ngay một cái chày mòn, ném trúng vành tai kẻ địch. Cái giáp của Mtao Mxây tức thì rơi loảng xoảng.

(Trích *Đăm Săn*- sử thi Ê-đê, NGUYỄN HỮU THẤU dịch, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998)

**Câu 1.** Xác định lời người kể chuyện và lời nhân vật trong các câu sau:

*“Đến lúc này Đăm Săn đã thấm mệt. Chàng vừa chạy vừa ngủ, mộng thấy ông Trời.*

***Đăm Săn*** *- Ối chao, chết mất thôi ông ơi! Cháu đâm mãi mà không thủng hắn*!”

**Câu 2**. Xác định nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 3**. Xác định và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn miêu tả hai lần Đăm Săn múa.

**Câu 4.** Vai trò của ông trời đối với cuộc chiến đấu và chiến thắng của Đăm Săn được thể hiện như thế nào?

**Câu 5.** Sáng tạo chi tiết miếng trầu và nhân vật ông trời, tác giả dân gian muốn bày tỏ thái độ và tình cảm gì đối với người anh hùng Đăm Săn?

**Câu 6a**. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 3 – 5 câu) trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của người anh hùng Đăm Săn qua đoạn trích trên.

**Câu 6b**. Là một nhà lãnh đạo trong tương lai, em cần học hỏi từ người anh hùng Đăm Săn những phẩm chất nào? Viết câu trả lời trong khoảng 3 – 5 câu.

***Gợi ý***

**Câu 1:**

- Lời người kể chuyện: *Đến lúc này Đăm Săn đã thấm mệt. Chàng vừa chạy vừa ngủ, mộng thấy ông Trời.*

- Lời nhân vật Đăm Săn: **“***Ối chao, chết mất thôi ông ơi! Cháu đâm mãi mà không thủng hắn*!”

**Câu 2:** Nội dung của đoạn trích:

- Kể lại cuộc giao đấu giữa Đăm Săn và Mtao Mxây

- Thể hiện thái độ yêu quý, ngợi ca của tác giả dâ gian đối với tài năng của Đăm Săn.

**Câu 3:**

* Biện pháp tu từ:

+ Phép so sánh:Chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc;

+ Phóng đại: Một lần xốc tới chàng vượt một đồi tranh. Một lần xốc tới, chàng vượt một đồi lồ ô; chòi lẫm đổ lăn lóc, cây cối chết rụiquả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ bay tung.

+ Phép điệp cấu trúc: *Một lần xốc tơi,…; Khi chàng múa….*

* Tác dụng của các phép tu từ:

**+** Nhấn mạnh, ca ngợi sức mạnh và tài năng phi thường của Đăm Săn trong cuộc đấu với kẻ thù để đem lại hạnh phúc gia đình và dân làng.

+ Thể hiện cái nhìn ngưỡng mộ, sự ca ngợi của tác giả dân gian với người anh hùng Đăm Săn.

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, giàu hình ảnh, tạo giọng điệu hào hùng cho đoạn trích sử thi.

**Câu 4:**

* Ông trời là vị thần giúp đỡ và chỉ giúp đỡ cho những con người chiến đấu vì lợi ích cộng đồng. Điều đó cho thấy mối quan hệ gần gũi giữa con người và thần linh, phản ánh dấu vết của tư duy thần thoại cổ sơ.
* Thần linh có tham gia vào việc con người nhưng chỉ đóng vai trò gợi ý, cố vấn, không quyết định kết quả cuộc chiến. Kết quả đó hoàn toàn phụ thuộc vào hành động của người anh hùng.

**Câu 5:** Qua việc sáng tạo ra các chi tiết miếng trầu và ông trời, chúng ta thấy được sự yêu mến và ủng hộ của cộng đồng với cá nhân người anh hùng.

**Câu 6a:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** vẻ đẹp của Đăm Săn hiện lên qua đoạn trích với sức mạnh và tài năng phi thường, kết tinh vẻ đẹp của cộng đồng. Hình ảnh Đăm Săn đối lập với sự kém cỏi của Mtao Mxây. Vẻ đẹp của Đăm Săn được khắc hoạ qua ngôn ngữ giàu hình ảnh, biện pháp so sánh, phóng đại với lối trùng lặp. Qua đó, tác giả dân gian thể hiện niềm yêu quý, ngợi ca người anh hùng.

**Câu 6b.** Các phẩm chất cần có của một người lãnh đạo: Tinh thần trách nhiệm xây dựng cộng đồng; trọng danh dự biết chiến đấu chống lại các thế lực thù địch để bảo vệ danh dự cộng đồng; biết tập hợp sức mạnh và tinh thần đoàn kết toàn dân; dám đương đầu với khó khăn, thử thách, lòng dũng cảm, tinh thần trượng nghĩa,…

**Đề số 02: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*Bà con xem, chàng Đăm Săn uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán. Cả một vùng nhão ra như nước. Lươn trong hang, giun trong bùn, rắn hổ, rắn mai đều chui lên nằm trên cao sưởi nắng. Ếch nhái dưới gầm nhà, kì nhông ngoài bãi thì kêu lên inh ỏi suốt ngày đêm. Các chàng trai, cô gái đi lại tấp nập, rộn ràng. Cảnh làng một tù trưởng nhà giàu trông sao mà vui thế! Rõ ràng là tù trưởng Đăm Săn đang giàu lên, chiêng lắm la nhiều. Rõ ràng là Đăm Săn có chiêng đống voi bầy, có bè bạn như nêm như xếp. Làm sao mà có được một tù trưởng, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa, đánh đâu đập tan đó, vay đâu phá nát đó như chàng?*

*Vì vậy, danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi, đông tây đâu đâu cũng nghe danh tiếng Đăm Săn. Từ khắp mọi miền, người ta khiêng rượu, khiêng lợn đến. Cả miền Ê-đê Ê-ga ca ngợi Đăm Săn là một dũng tướng chắc chết mười mươi cũng không lùi bước. Ngực quấn chéo một tấm mền chiến, mình khoác một tấm áo chiến, tai đeo nụ, sát bên mình nghênh ngang đủ giáo gươm, đôi mắt long lanh như mắt chim ghếch ăn hoa tre, chàng Đăm Săn hiện ra là một trang tù trưởng mới giàu lên, đang tràn đầy sức trai, tiếng tăm lừng lẫy. Bắp chân chàng to bằng cây xà ngang. Bắp đùi chàng to bằng ống bễ, sức chàng ngang sức voi đực, hơi thở chàng ầm ầm tựa sấm dậy, chàng nằm sấp thì gãy rầm sàn, chàng nằm ngửa thì gãy xà dọc: Đăm Săn vốn đã ngang tàng từ trong bụng mẹ."*

(Trích *Đăm Săn*- sử thi Ê-đê, NGUYỄN HỮU THẤU dịch, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998)

**Câu 1.** Xác định ngôi kể trong đoạn trích.

**Câu 2**. Sự giàu có của tù trưởng Đăm Săn được miêu tả qua những chi tiết nào?

**Câu 3**. Anh/chị hãy nhận xét vẻ đẹp của Đăm Săn được miêu tả qua đoạn trích.

**Câu 4.** Nêu và phân tích một biện pháp nghệ thuật trong đoạn trích.

**Câu 5.** Người kể tỏ thái độ, tình cảm gì với nhân vật Đăm Săn?

**Câu 6**. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 3 – 5 câu) để trả lời câu hỏi: *Cần làm gì để những giá trị tinh thần của các sáng tác sử thi Tây Nguyên nói riêng và các giá trị của văn học dân gian không bị mai một trong bối cảnh hiện này*?

***Gợi ý***

**Câu 1:** Ngôi kể thứ ba**.**

**Câu 2:** Sự giàu có của tù trưởng Đăm Săn được miêu tả qua những chi tiết:*chiêng lắm la nhiều. Rõ ràng là Đăm Săn có chiêng đống voi bầy, có bè bạn như nêm như xếp.*

**Câu 3:**

**-** Vẻ đẹp của Đăm Săn được miêu tả qua trang phục, ngoại hình (đôi mắt, bắp chân, bắp đùi), sức lực.

- Qua các chi tiết, vẻ đẹp của Đăm Săn hiện lên với sức mạnh phi thường, vẻ đẹp có phần cổ sơ, hoang dại, mộc mạc, giản dị, gần gũi với núi rừng. Đó cũng chính là vẻ đẹp và sức mạnh của thị tộc.

**Câu 4:**

* Biện pháp tu từ: HS có thể chỉ ra 1 trong các biện pháp tu từ sau:

+ Phép so sánh**: …** *đôi mắt long lanh như mắt chim ghếch ăn hoa tre;*

+ So sánh kết hợp phóng đại: *bắp chân to bằng cây xà ngang, bắp đùi to bằng ống bễ, hơi thở ầm ầm tựa sấm dậy;* *chàng nằm sấp thì gãy rầm sàn, chàng nằm ngửa thì gãy xà dọc.*

+ Sử dụng phép đối, phép điệp cú pháp: *chàng nằm sấp thì gãy rầm sàn, chàng nằm ngửa thì gãy xà dọc*

* Tác dụng của các phép tu từ:

**+** Nhấn mạnh, ca ngợi vẻ đẹp thể chất, sức mạnh phi thường của Đăm Săn.

+ Thể hiện cái nhìn ngưỡng mộ, sự ca ngợi của tác giả dân gian với người anh hùng Đăm Săn.

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, giàu hình ảnh, tạo nhịp điệu cho câu văn.

**Câu 5:** Người kể bày tỏ thái độ ngợi ca, sùng kính, tôn vinh đối với vẻ đẹp của người anh hùng**:** Hình ảnh Đăm Săn được miêu tả bằng cái nhìn ngưỡng vọng từ dưới nhìn lên trên, sùng kính, tự hào. Điều này có nghĩa người anh hùng sử thi được tôn vinh tuyệt đối.

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** Biện pháp bảo tồn và phát huy các giá trị của sử thi Tây Nguyên nói riêng và văn học dân gian nói chung:

+ Tuyên truyền để mọi người, đặc biệt là giới trẻ nâng cao nhận thức về giá trị và ý nghĩa của việc bảo tồn văn học dân gian, trong đó có sử thi Tây Nguyên.

+ Hình thức quảng bá văn hóa và giới thiệu sử thi.

+ Có hình thức dạy học phù hợp tạo hứng thú với thế hệ trẻ.

**ĐỌC HIỂU NGOÀI SGK**

**Đề số 03: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*(Đăm Săn cùng với một người dẫn đường vượt qua rất nhiều khó khăn đã tới được buôn làng của tù trưởng Đăm Par Kvây. Đăm Săn được Đăm Par Kvây đón tiếp nồng nhiệt.)*

**Đăm Par Kvây** – Ơ diêng, ơ diêng, rượu tôi đã cột, gà tôi đã đốt, cơm tôi đã dọn trong mâm đồng chậu thau, xin mời diêng đến ăn cho! Xin hỏi diêng đi có việc gì? Phải chăng đã có kẻ đến đánh diêng tại nhà, vây diêng tại làng, bắt hết trai gái làng diêng đi rồi phải không?

**Đăm Săn** – Không phải thế đâu, diêng ơi. Tôi đi đây chẳng vì công này, cũng không vì việc nọ. Tôi đến rủ diêng, muốn cùng diêng giáp mặt bàn xem chúng ta đi bắt Nữ Thần Mặt Trời có được hay không?

**Đăm Par Kvây** - Ấy chết, diêng ơi! Rừng này nhiều cọp, đường này nhiều rắn, không ai vào bắt Nữ Thần Mặt Trời được đâu. Đường đi hái cà người ta trồng chông lớn, đường đi hái ớt người ta trồng chông nhỏ, người lớn đi chết đằng người lớn, nhà giàu đi chết đằng nhà giàu, dũng tướng đi chết đăng dũng tướng.

**Đăm Săn** – Người dũng tướng chắc chết mười mươi vẫn không lùi bước há cũng không vào đó được sao! (Ông Đu, ông Điê nghe được liền đét cho Đăm Săn một đét vào người). Diêng không cho tôi đi, cũng mặc. Tôi đã mang theo đây các ngải từng giúp ông chúng tôi chiến thắng, những ngải cho sức mạnh chém tê giác dưới vực, giết hùm beo trên rừng. Để xem tê giác, hùm beo có chết dưới mũi giáo lưỡi gươm của Đăm Săn này hay không! Dù diêng có bảo đường đi lắm rết, nhiều bọ cạp, núi rừng đầy tê giác, hùm beo, chưa từng có ai đi vào đó, tôi cũng không nghe diêng đâu.

**Đăm Par Kvây** - Ối chao! Chết thật đó, diêng ơi! Nước thì nhiều đỉa, rừng thì nhiều vắt, người ta chưa hề đem nhau đi vào đó bao giờ. Ven rừng đầy xương người. Trong rừng đầy xương bò, xương trâu. Biết bao tù trưởng nhà giàu, biết bao dũng tướng anh hùng đã bỏ mạng nơi đây. Rừng Đen đất nhão là nơi đã chôn vùi nhiều tù trưởng nhà giàu. Tôi cột diêng bằng thừng, tôi trói diêng bằng dây, tôi không cho diêng vào đấy đâu. Tôi xin cũng cầu phúc cho diêng một lợn, tôi xin tiễn chân diêng một trâu, tôi không cho diêng đi vào rừng thiêng của Nhà Trời đâu. Ở đấy, chông lớn nhiều như lông nhím, chông nhỏ nhiều như lông chó, con sóc nhảy vào thân nó cũng khó mà toàn vẹn nữa là.

**Đăm Săn** – Mặc, diêng cứ để tôi làm bàn trang tôi san đường tôi đi. Gặp cọp, tôi sẽ giết cọp. Gặp tê giác, tôi sẽ giết tê giác.

**Đăm Par Kvây** - Giữ diêng, diêng không ở. Cầm diêng, diêng không dừng. Vậy diêng định đốt đuốc ra đi trong đêm này ư.

**Đăm Săn** – Khắp vùng Ê-đê trên cao, M’nông dưới thấp, khắp tây đông, thử hỏi còn ai dám chống lại Đăm Săn này, chống lại người tù trưởng giàu mạnh đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa này? Tôi không sợ đâu.

**Đăm Par Kvây** - Cột không đừng, giữ không ở, đốt đuốc ra đi giữa canh khuya. Diêng hãy coi chừng kẻo rơi vào rừng cỏ cằn đất nhão. Rừng bà Sun Y Rít đó diêng ơi.

Đến đây Đăm Par Kvây quay gót trở về. Trời đã nửa đêm, gà đã te te gáy.

(Nguyễn Hữu Thấu sưu tầm, biên dịch, chỉnh lí, *Khan Đăm Săn và Khan Đăm Kteh Mlan,* tập II, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2**. Hãy cho biết nghĩa của từ “diêng” trong đoạn trích.

**Câu 3**. Nêu nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 4.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn sau:

*“Ở đấy, chông lớn nhiều như lông nhím, chông nhỏ nhiều như lông chó, con sóc nhảy vào thân nó cũn khó mà toàn vẹn nữa là.”*

**Câu 5.** Trước ý muốn đi bắt nữ thần Mặt Trời về làm vợ của Đăm Săn, Đăm Par Kvây đã khuyên Đăm Săn điều gì và thái độ của Đăm Săn khi nghe lời khuyên đó ra sao?

**Câu 6**. Viết đoạn văn ngắn ( khoảng 3 – 5 câu) nêu suy nghĩ của anh chị về ý định đi bắt nữ thần Mặt Trời về làm vợ của chàng Đăm Săn.

***Gợi ý***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2:** Từ “diêng” chỉ bạn bè thân thiết, gắn bó như anh em.

**Câu 3:**

Nội dung chính của đoạn trích:Cuộc đối thoại giữa Đăm Săn và Đăm Par Kvây nói về ý định đi bắt Nữ thần Mặt Trời của Đăm Săn.

**Câu 4:**

* Biện pháp tu từ:

Phép so sánh**:** *chông lớn nhiều – như - lông nhím, chông nhỏ nhiều - như - lông chó*

* Tác dụng của các phép tu từ:

**+** Nhấn mạnh những trở ngại, khó khăn trên con đường đi đến nhà của nữ thần Mặt Trời.

+ Thể hiện nỗi lo lắng của người anh em Đăm Par Kvây đối với Đăm Săn.

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, giàu hình ảnh, gần gũi với cách nghĩ của đồng bào Tây Nguyên.

**Câu 5:**

- Lời khuyên của Đăm Par Kvây: Không nên đi bắt nữ thần Mặt Trời bởi vì con đường đi vô cùng nhiều khó khăn, chông gai (nhiều chông lớn, chông nhỏ, nhiều đỉa, nhiều vắt, nhiều cọp, nhiều rắn; đã bao tù trưởng nhà giàu bỏ mạng trên con đường ấy).

- Thái độ của Đăm Săn:

+ Không nghe theo lời khuyên, lời can ngăn của người anh em Đăm Par Kvây, vẫn kiên quyết giữ vững ý định đi bắt nữ thần Mặt Trời.

+ Không run sợ trước những lời cảnh báo của Đăm Par Kvây mà ngược lại còn quyết tâm đi hơn “*Gặp cọp, tôi sẽ giết cọp. Gặp tê giác, tôi sẽ giết tê giác*”, rất mực tự tin vào sức mạnh của mình. Chàng tin không ai dám chống lại người tù trưởng giàu mạnh đầu đội khăn nhiễu, vai mang vải hoa là mình.

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** HS nêu suy nghĩ về ý định đi bắt nữ thần Mặt Trời về làm vợ của Đăm Săn, có thể:

+ Đó là ý muốn vượt quá giới hạn con người, vì Đăm Săn là người trần thế, nhưng lại có ý định đi bắt Nữ Thần Mặt Trời – con Trời về làm vợ lẽ cho mình.

+ Nhưng điều đó cũng thể hiện khát vọng chinh phục những điều lớn lao của con người thời xa xưa, là phẩm chất của người anh hùng sử thi.

**DẠNG 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Đề bài:** Phân tích vẻ đẹp của người anh hùng Đăm Săn trong đoạn trích “Chiến thắng Mtao Mxây” (Trích sử thi Đăm Săn – sử thi Ê-đê).

**Gợi ý dàn ý**

|  |
| --- |
| **1. Mở bài**  - Giới thiệu về nội dung và giá trị của sử thi *Đăm săn* và vị trí đoạn trích *Chiến thắng Mtao-Mxây.*  - Giới thiệu nhân vật Đăm Săn.  Ví dụ: Từ bao đời nay, người Ê-đê đã cùng quây quần bên bếp lửa, nghe không biết chán từ đêm này qua đêm khác "khan Đăm Săn", bài ca về người tù trưởng anh hùng của dân tộc mình với những chiến công hiển hách trong xây dựng phát triển buôn làng và bảo vệ cộng đồng chống lại bao kẻ thù hung hãn. Trong những chiến công lừng lẫy ấy, ngất ngây lòng người vẫn là đoạn "Chiến thắng Mtao Mxây", chứng tỏ tài năng, bản lĩnh, lòng dũng cảm phi thường và sức mạnh vô địch của Đăm Săn. |
| **2. Thân bài:**  **B1: Khái quát về đoạn trích, nhân vật:**  - Trong bộ sử thi anh hùng *Đăm Săn*, đoạn trích *Chiến thắng Mtao Mxây* (SGK Ngữ văn 10 ) được đánh giá là phần văn bản đặc sắc , kể lại chiến công đánh thắng tù trưởng Sắt cứu vợ của người anh hùng Đăm Săn .  - Đoạn trích đã xây dựng thành công hình tượng người anh hùng Đam Săn có vẻ đẹp toàn diện từ ngoại hình, lời nói, hành động đến nhân cách và lí tưởng sống . |
| **B2: Phân tích vẻ đẹp của hình tượng Đăm Săn trong đoạn trích theo luận điểm:**  **2.1. Cuộc chiến giữa Đăm Săn và Mtao Mxây**  *a. Nguyên nhân của cuộc chiến*   * Cuộc chiến xảy ra do Mtao - Mxây đã cướp vợ của Đăm Săn đó là Hơ Nhị. * Cuộc chiến của Đăm Săn và Mtao Mxây không chỉ là cuộc chiến để giành lại vợ mà còn là cuộc quyết đấu để bảo vệ danh dự cộng đồng.   *b. Cuộc chiến giữa hai tù trưởng*  \* Thái độ của Đăm Săn và Mtao Mxây trước khi bắt đầu trận chiến:  - Đăm Săn là người khiêu chiến: “*Ta thách nhà ngươi đọ dao với ta đấy”, “ta sẽ lấy cái sàn hiên của nhà người ta bổ đôi”, “lấy cầu thang…ta chẻ ra kéo lửa”, “ta hun cái nhà của nhà ngươi”.* => Thông minh, tự tin, đường hoàng, bản lĩnh và có khí phách.  - Mtao Mxây: *“tay ta đang còn bận ôm vợ hai chúng ta”, “ta sợ ngươi đâm ta khi ta đang đi lắm”.* => Dữ tợn nhưng sợ sệt, hèn nhát, do dự trước kẻ thù.  \* Cuộc chiến giữa Đăm Săn và Mtao Mxây:  - Hiệp đấu thứ nhất:   * Mtao Mxây: Múa khiên kém cỏi, khiên kêu lạch xạch như quả mướp khô; chạy bước cao bước thấp, chạy hết từ bãi tây sang bãi đông; tỏ ra huênh hoang tự xem mình là tướng quen đánh trăm trận, quen xéo nát đất đai thiên hạ => Mtao Mxây kém cỏi nhưng huênh hoang, khoác lác. * Đăm Săn: thách Mtao Mxây múa khiên trước, lúc Mtao Mxây múa khiên Đăm Săn không hề nhúc nhích. Lúc Đăm Săn múa “Một lần xốc tới, chàng vượt qua đồi tranh. Một lần xốc tới nữa chàng vượt qua đồi lồ ô. Chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây.” => Bình tĩnh, thản nhiên, tài năng và bản lĩnh.   - Hiệp đấu thứ hai: Đăm Săn đớp được miếng trầu mà Mtao Mxây bảo Hơ Nhị quăng cho hắn, sức chàng như tăng lên gấp bội, múa khiên càng mạnh, càng nhanh, càng đẹp: “*chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc*…”. Đăm Săn đuổi theo Mtao Mxây đâm trúng nhưng không thủng.  - Hiệp đấu thứ ba: Nhờ Trời mách kế, Đăm Săn đuổi theo và đánh thắng được Mtao Mxây. Ông Trời là hình ảnh tượng trưng cho công lý, sức mạnh trí tuệ của đấng tối cao, sự ủng hộ đối với người anh hùng chính nghĩa. Đồng thời, chi tiết ông Trời còn thể hiện mối quan hệ gần gũi, gắn bó mật thiết giữa con người với thần linh.  => Với lối mô tả song hành, ngôn ngữ trang trọng, giàu hình ảnh; bút pháp phóng đại… đã giúp chúng ta thấy Đăm Săn hơn hẳn Mtao Mxây cả về tài năng, sức lực, phong độ, phẩm chất. Sự chiến thắng của Đăm Săn làm nổi bật hình ảnh, tầm vóc của người anh hùng sử thi.  **2.2. Đăm Săn cùng nô lệ trở về sau chiến thắng**  - Cuộc đối thoại giữa Đăm Săn và nô lệ: Đăm Săn và nô lệ đã đối đáp với nhau ba lần và mỗi lần ấy đều nhận được sự ủng hộ của tôi tớ, dân làng Mtao-Mxây. Qua đó, thể hiện lòng mến phục, sự hưởng ứng tuyệt đối và lòng trung thành của mọi người dành cho Đăm Săn.  - Ý nghĩa cảnh Đăm Săn và nô lệ trở về:   * Sự thống nhất cao độ giữa quyền lợi, khát vọng của cá nhân anh hùng với quyền lợi, khát vọng của tập thể cộng đồng. * Thể hiện lòng yêu mến, cảm phục của toàn thể cộng đồng đối với người anh hùng. Đó chính là ý chí thống nhất của toàn thể cộng đồng Ê-đê.   ⇒ Sự ngưỡng mộ và tình cảm mến phục của nhân dân dành cho người anh hùng.  **2.3. Cảnh ăn mừng chiến thắng**  - Lời ra lệnh mở tiệc: Sự tự hào, tự tin vì sức mạnh và sự giàu có của thị tộc mình.  - Ra lệnh đánh nhiều cồng chiêng: thể hiện niềm vui chiến thắng và sự giàu có, sung túc, thể hiện vẻ đẹp tinh thần, vật chất của tù trưởng và của cả thị tộc.  - Quang cảnh nhà Đăm Săn: mở tiệc to, khách đông nghịt, tôi tớ chật ních cả nhà. Tác giả dân gian sử dụng nghệ thuật phóng đại, qua đó thể hiện sự tự hào về một bộ tộc giàu mạnh và sự đồng tâm, thống nhất của cả cộng đồng.  - Hình ảnh Đăm Săn trong cảnh ăn mừng chiến thắng:  + Ngoại hình: Nằm trên võng, tóc thả trên sàn, Ngực quấn chéo một tấm mền chiến, mình khoác một tấm áo chiến, tai đeo nụ, sát bên mình nghênh ngang nhiều gươm giáo, đôi mắt long lanh, bắp chân to bằng cây xà ngang  + Sức mạnh: Sức ngang sức voi đực, hơi thở ầm ầm tựa sấm, nằm sấp thì gãy gầm sàn, nằm ngửa thì gãy xà dọc,...  + Phẩm chất: Danh tiếng lẫy lừng, được tung hô, ca ngợi là một “dũng tướng chắc chết mười mươi cũng không lùi bước”  => Hình ảnh Đăm Săn trở thành trung tâm của bức tranh hoành tráng về cảnh ăn mừng chiến thắng. Hình ảnh Đăm Săn hiện lên đẹp một cách mạnh mẽ, oai hùng, có sự lớn lao cả về hình thể, tầm vóc lẫn chiến công, mang vẻ đẹp dũng mãnh, hoang sơ của núi rừng. Qua đó cho thấy cái nhìn ngưỡng vọng, sùng kính của nhân dân đối với người anh hùng của cộng đồng.  **2.4. Nghệ thuật xây dựng nhân vật**  - Cách kể và tả hấp dẫn  - Ngôn ngữ khoa trương, phóng đại.  - Sử dụng các phép liệt kê, so sánh, tăng tiến, đối lập.  - Giọng điệu trang trọng toát ra từ cái nhìn sử thi đầy chiêm bái, ngưỡng vọng. |
| **3. Kết bài** - Khát quát lại vẻ đẹp của hình tượng Đăm Săn trong đoạn trích.  - Mở rộng vấn đề: Khái quát về vẻ đẹp của những người anh hùng trong sử thi các dân tộc.  - Bày tỏ suy nghĩ bản thân. |

**ÔN TẬP VĂN BẢN 3: THẦN TRỤ TRỜI (Thần thoại Việt Nam)**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Cốt truyện**

**\*Nhân vật chính: Thần Trụ Trời**

**\*Các sự việc chính:**

**-** Giới thiệu bối cảnh thần Trụ Trời xuất hiện.

- Những việc làm của thần Trụ Trời (công trạng của thần): đắp cột chống trời để phân chia trời đất; phá cột chống trời khi trời đã cao vừa ý.

- Sự xuất hiện các vị thần khác để tiếp tục công việc kiến thiết ra thế giới.  
**\*Tóm tắt:**

Thưở trời đất còn là một đám hỗn độn, tăm tối, xuất hiện một vị thần to lớn đã dùng sức mạnh của mình đào đất, đắp cột để chống trời khiến trời được đẩy lên cao. Khi trời đã được đẩy lên cao, thần phá cột chống trời, khiến đất đá vung khắp nơi, làm cho mặt đất chỗ cao chỗ thấp. Tương truyền di tích cột đó chính là núi Thạch Môn thuộc về Sơn Tây ngày nay. Sau thần Trụ Trời, còn có một số vị thần khác tiếp tục công việc kiến thiết ra thế giới như thần đào sông, thần tát biển, thần nghiền cát, thần nghiền sỏi,…

**2. Đặc sắc nội dung và nghệ thuật**

**\*Đặc sắc nghệ thuật :**

- Chi tiết tưởng tượng kì ảo.

- Xây dựng nhân vật chức năng.

- Thời gian phiếm chỉ, mang tính ước lệ và không gian vũ trụ với nhiều cõi khác nhau.

- Ngôn ngữ tự sự hồn nhiên.

- Cốt truyện đơn giản nhưng hấp dẫn, sinh động, có những chi tiết bất ngờ thú vị.

**\*Nội dung, ý nghĩa:**

Qua câu chuyện *Thần Trụ Trời*, người nguyên thủy thể hiện cách hình dung, lí giải về sự hình thành thế giới tự nhiên,đồng thời phản ánh vẻ đẹp riêng của cuộc sống lao động, tín ngưỡng và văn hóa của từng cộng đồng.

**II. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01:**  **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

**THẦN TRỤ TRỜI**

*Thuở ấy chưa có vũ trụ, chưa có muôn vật và loài người. Trời đất chỉ là một đám hỗn độn tối tăm và lạnh lẽo. Lúc đó, tự nhiên có một ông thần thân thể to lớn không biết bao nhiêu mà kể, chân thần bước một bước cứ như từ đỉnh núi này sang đỉnh núi kia.*

*Thần ở trong đám mịt mờ, hỗn độn đó không biết từ bao giờ, rồi một lần bỗng đứng dậy, dùng đầu đội trời lên, tay đào đất, đá; đắp thành một cái cột vừa to, vừa cao để chống trời. Cột càng được đắp cao lên chừng nào thì trời tựa như một tấm màn được nâng lên cao lên chừng ấy. Thần cứ một mình cầy cục đắp, cột đá càng cao chót vót, càng đẩy trời lên mãi.*

*Từ đó, trời đất phân ra làm hai. Đất phẳng như cái mâm vuông, trời ở trên như cái bát úp, chỗ giáp ranh giữa trời và đất gọi là chân trời.*

*Khi trời đã lên cao vừa ý và đã khô cứng rồi, không hiểu sao thần lại phá cột đá đi. Thần ném vung đá và đất khắp nơi mọi chỗ. Mỗi hòn đá văng ra bây giờ thành một hòn núi hay một hòn đảo. Đất tung toé mọi nơi thành cồn đồi, cao nguyên. Vì thế mà bây giờ mặt đất chỗ cao, chỗ thấp, không được bằng phẳng. Chỗ thần đào lên để lấy đất đá đắp vột bây giờ là biển cả. […]”*

*(*Theo *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam,* tập I *– Thần thoại – Truyền thuyết,* NGUYỄN THỊ HUẾ - TRẦN THỊ AN biên soạn và tuyển chọn, NXB Giáo dục, 1999)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2**. Nêu bối cảnh không gian, thời gian thần Trụ trời xuất hiện.

**Câu 3**. Kể ra những hành động của thần Trụ trời trong đoạn trích.

**Câu 4.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: “*Đất phẳng như cái mâm vuông, trời ở trên như cái bát úp, chỗ giáp ranh giữa trời và đất gọi là chân trời.”*

**Câu 5.** Đoạn trích truyện Thần Trụ trời ở trên nhằm giải thích các hiện tượng tự nhiên nào? Em có nhận xét gì về cách giải thích của người xưa.

**Câu 6**.Viết đoạn văn ngắn ( khoảng 3 - 5 câu) để miêu tả về hình ảnh thần Trụ trời theo hình dung, tưởng tượng của em.

***Gợi ý***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2:** Bối cảnh không gian, thời gian thần Trụ trời xuất hiện:

* Thời gian: *Thuở ấy*
* Không gian: Trời đất chỉ là một đám hỗn độn tối tăm và lạnh lẽo

🡺 Thời gian phiếm chỉ, mang tính ước lệ và không gian vũ trụ nguyên sơ.

**Câu 3:** Những hành động của thần Trụ trời trong đoạn trích:

* *Một lần thần bỗng đứng dậy, dùng đầu đội trời lên, tay đào đất, đá; đắp thành một cái cột vừa to, vừa cao để chống trời.*
* *Khi trời đã lên cao vừa ý và đã khô cứng rồi, thần phá cột đá đi; ném vung đá và đất khắp nơi mọi chỗ tạo nên các hòn núi, hòn đảo, cồn đồi, cao nguyên.*

**Câu 4:**

- Biện pháp tu từ trong câu: *Đất phẳng như cái mâm vuông, trời ở trên như cái bát úp, chỗ giáp ranh giữa trời và đất gọi là chân trời:*

Phép so sánh**:** *đất phẳng – như – cái mâm; trời – như – cái bát úp*

* Tác dụng của các phép tu từ:

**+** Nhấn mạnh hình dáng cụ thể của trời và đất sau khi có cột chống trời phân ra làm hai..

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, giàu hình ảnh hơn.

**Câu 5:**

* Đoạn trích truyện Thần Trụ trời ở trên nhằm giải thích sự hình thành thế giới tự nhiên: sự chia cắt của bầu trời và mặt đất, sự hình thành biển cả, núi non, đồi, cao nguyên, chỗ cao thấp không bằng phẳng của mặt đất.
* Nhận xét: cách giải thích bằng các yếu tố hoang đường, kì ảo, hoàn toàn là hư cấu theo trí tượng tượng phong phú của nhân dân xa xưa.

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** Miêu tả bằng lời về hình ảnh của thần Trụ trời theo hình dung, tưởng tượng (về hình dáng bên ngoài, sức mạnh, hành động, sự miệt mài trong công việc,…).

**ĐỌC HIỂU NGOÀI SGK**

**Đề số 02:** **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

**THẦN GIÓ**

*Thần Gió có một hình dạng kì quặc. Thần không có đầu. Bảo bối của thần là một thứ quạt màu nhiệm. Thần sẽ làm gió nhỏ hay bão lớn, lâu hay mau tuỳ theo lệnh Ngọc Hoàng. Khi thần Gió phối hơp với thần Mưa, có khi cả thần Sét nữa cùng hoạt động là những lúc đáng sợ nhất. Thỉnh thoảng thần xuống hạ giới đi chơi vào những buổi tối trời. Đó là lúc giữa đồng bằng tự nhiên nổi lên trận gió xoay, dân gian thường gọi là thần Cụt Đầu.*

*Thần Gió có một đứa con còn nhỏ hay nghịch ngợm. Người ta kể chuyện: có một hôm thần đi vắng, đứa con ở nhà giở quạt của cha làm gió thổi chơi. Lúc ấy ở hạ giới có một người vì mất mùa đói khổ, tìm không ra cái ăn. Hôm đó, trong nhà lại có vợ đau nặng, ông ta phải cất công đi rất xa hơn một ngày đường mới xin được một bát gạo để về nấu cháo cho vợ. Về đến nhà, ông mang gạo xuống ao để vo. Lúc đó trời quang mây tạnh. Đột nhiên trận gió do con thần Gió quạt tứ tung làm cho bát gạo của người kia đựng trong rá văng xuống ao.*

*Người nọ khóc lóc thảm thiết, không biết bắt đền ai, căm tức thần Gió vô hạn, quyết tâm kiện lên thiên đình. Ngọc Hoàng nghe rõ câu chuyện mới đòi thần Gió đến quở trách. Thần Gió thú thật là có đứa con nhà nghịch bậy. Ngọc Hoàng cho đó là tội không thể tha thứ được, liền đày con thần Gió xuống trần bắt đi chăn trâu cho người mất gạo kia. Sau đó ít lâu, Ngọc Hoàng lại bắt con thần Gió hoá làm cây ngải để báo tin gió cho thiên hạ. Người hạ giới thường gọi là cây ngải gió hoặc câu ngải tướng quân. Mỗi lần câu ngải gió cuốn bông cuốn lá lại, người hạ giới biết là trời sắp nổi gió, nổi mưa. Lại mỗi lần trâu bị cảm gió, ngưởi ta thường lấy lá ngải để chữa trị, vì cho rằng nó có kinh nghiệm về bệnh của trâu trong thời gian giữ trâu cho người mất gạo*.

*(*Theo *Nguyễn Đổng Chi – Tác phẩm được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh,* Sđd, tr.93- 94)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2**. Theo truyện, hình dáng của thần Gió có gì đặc biệt?

**Câu 3**. Công việc của thần Gió là gì? Công việc ấy được miêu tả như thế nào?

**Câu 4.** Thông tin “*Khi thần Gió phối hơp với thần Mưa, có khi cả thần Sét nữa cùng hoạt động là những lúc đáng sợ nhất”* cho em hiểu gì thêm về thần Gió?

**Câu 5.** Theo em, mục đích tác giả dân gian tạo ra nhân vật đứa con thần Gió để làm gì?

**Câu 6.** Thần thoại thể hiện niềm tin của người nguyên thuỷ về một thế giới mà ở đó vạn vật đều có linh hồn. Theo em, niềm tin ấy còn sức hấp dẫn với người hiện đại hay không? Vì sao?

***Gợi ý***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2:** Theo truyện, thần Gió có hình dáng kì quặc: *thần không có đầu.*

**Câu 3:**

**-** Công việc của thần Gió: làm gió theo lệnh Ngọc Hoàng.

- Cụ thể: Bảo bối của thần là một thứ quạt nhiệm màu; thần sẽ làm gió nhỏ hay bão lớn, lâu hay mau tùy theo lệng Ngọc Hoàng. Có khi thần phối hợp với Thần Mưa, có khi cả thần Sét.

**Câu 4:**

Thông tin “*Khi thần Gió phối hơp với thần Mưa, có khi cả thần Sét nữa cùng hoạt động là những lúc đáng sợ nhất”* cho em hiểu về sức mạnh đáng sợ của thần Gió: thần có thể tạo ra bão, lốc xoáy,…

**Câu 5:** Mục đích của việc tạo ra nhân vật con thần Gió:

* Thể hiện cái nhìn của người nguyên thuỷ về các vị thần: các vị thần cũng giống như con người có khi cũng mắc lỗi lầm, cũng có lúc sai trái, có lúc nhầm lẫn. Từ hình phạt đối với họ mà trở thành những bài học kinh nghiệm quý báu giúp cho dân gian có cuộc sống thanh bình yên ấm hơn.
* Đứa con thần Gió vì nghịch bậy (lấy quạt của thần Gió ra chơi khi thần đi vắng) mà phải chịu hình phạt xuống trần gian đi chăn trâu cho con người, qua đó câu chuyện cũng thể hiện khát vọng muốn chinh phục, chế ngự thế giới tự nhiên của người nguyên thuỷ.
* Việc tạo ra đứa con của thần Gió còn lí giải hiện tượng khi cây ngải gió cuốn bông, cuốn lá lại khi trời sắp nổi gió, nổi mưa theo quan niệm dân gian.

**Câu 6:** HS bày tỏ quan niệm của mình.

Ví dụ: Thần thoại thể hiện niềm tin của người nguyên thuỷ về một thế giới mà ở đó vạn vật đều có linh hồn. Theo em, niềm tin ấy luôn có sức hấp dẫn với người hiện đại bởi niềm tin vạn vật đều có linh hồn thể hiện trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn, gửi gắm cả những ước nguyện, khao khát, bài học của người xưa trong mối quan hệ với thế giới tự nhiên trong buổi đầu của nền văn minh nhân loại,…

**ÔN TẬP VĂN BẢN 4: RA-MA BUỘC TỘI (Van-mi-ki)**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Tác giả Van-mi-ki**

- Sống ở thế kỉ III TCN, được nhân dân Ấn Độ xem là nhà thơ đầu tiên của dân tộc mình.

- Thuộc đẳng cấp Bà La môn, bị cha mẹ ruồng bỏ phải trốn vào rừng sâu làm thảo khấu. Sau được Na -ra-đa dạy bảo mà trở thành đạo sĩ.

**2. Tác phẩm sử thi *Ra – ma – ya – na***

**a. Vị trí và ảnh hưởng.**

- *Ra – ma – ya – na* là sử thi Ấn Độ nổi tiếng, ca ngợi trí tuệ, sức mạnh và đạo đức của con người. *Ra – ma – ya – na* được hình thành vào khoảng thế kỉ IV – III TCN.

Người Ấn Độ khẳng định: “Chừng nào sông chưa cạn, đá chưa mòn thì Ra-ma còn làm say mê lòng người và cứu rỗi họ ra khỏi vòng tội lỗi”

- Tác phẩm còn đựoc phổ biến sâu rộng ở các nước đặc biệt là khu vực ĐNA: Rama Kiên (Thái Lan), Kiêm Kê (Campuchia), Xỉn xay (Lào), Ramayana (Chăm- VN), Dạ thoa vương (Lĩnh Nam chích quái- VN)

- *Ra- ma- ya- na* gồm 24.000 câu thơ đôi, 8 chương ,chia thành 7 khúc ca lớn, kể về những kì tích của hoàng tử Ra-ma.

**b. Giá trị tác phẩm.**

**\* Giá trị nội dung:**

- Là bức tranh hiện thực rộng lớn về xã hội Ấn Độ cổ đại,phản ánh sự phát triển của đất nước Ấn Độ cổ đại: xây dựng hình thái nhà nước phong kiến, chịu ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo.

- Ngợi ca những mẫu người lí tưởng của thời đại.

- Giàu giá trị nhân văn.

**\* Giá trị nghệ thuật**:

- Kết cấu chặt chẽ, cốt truyện mạch lạc nhất quán.

- Tính giáo huấn đậm đà.

- Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên đặc sắc.

- Tác giả khai thác sâu vào thế giới tâm linh của nhân vật, diễn tả được những tình cảm đắm say, mãnh liệt của tâm hồn con người.

=> *Với những giá trị trên, "Ra-ma-ya-na" mãi mãi là thiên sử thi hào hùng về một thời đại của lịchsử Ấn Độ”.*

**3. Đoạn trích “Ra-ma buộc tội”**

**a. Vị trí đoạn trích**: thuộc khúc ca thứ 6, chương 79.

**b. Nhân vật**

**-** Các nhân vật trong đoạn trích: Ra-ma, Xi-ta, Lắc-ma-na, nhân vật cộng đồng.

- Nhân vật chính: chàng Ra-ma và nàng Xi-ta.

**c. Đặc sắc nội dung và nghệ thuật**

**\*Nghệ thuật:**

* Kết cấu đoạn trích: Kết cấu 2 phần chặt chẽ, rõ ràng, đầy kịch tính.
* Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật: Chú trọng miêu tả tâm lý nhân vật, khắc họa diễn biến nội tâm. Cụ thể là những đau đớn, giằng xé trong tâm hồn Ra-ma và Xi-ta. (Khác với sử thi cổ đại: chú trọng miêu tả hành động nhân vật)

- Ngôn ngữ: Ngôn ngữ kể và tả thường trau chuốt, gắn với so sánh qua các hình ảnh lấy từ thiên nhiên.

**\* Nội dung:**

- Đoạn trích đặt các nhận vât vào tình thế thử thách ngặt nghèo đòi hỏi sự lựa chọn quyết liệt, bộc lộ sâu sắc bản chất con người.

Ca ngời vẻ đẹp của Ra-ma và Xi-ta tiêu biểu cho hình mẫu người anh hùng lí tưởng và mẫu người phụ nữ lí tưởng trong quan niệm của người Ấn Độ cổ đại.

**II. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**Đề bài 01: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Nghe những lời giận dữ đó của Ra-ma, Gia-na-ki đau đớn đến nghẹt thở, như một cây dây leo bị vòi voi quật nát. Nghe những lời tố cáo chưa từng có, trước đông đủ mọi người, Gia-na-ki xấu hổ cho số kiếp của nàng. Nàng muốn tự chôn vùi cả hình hài thân xác của mình. Mỗi lời nói của Ra-ma xuyên vào trái tim nàng như một mũi tên. Nước mắt nàng đổ ra như suối. Lấy tà áo lau nước mắt, rồi bằng giọng nghẹn ngào, nức nở, nàng nói:* “*Cớ sao chàng lại dùng những lời gay gắt khó tả như vậy đối với thiếp, giống như một kẻ thấp hèn chửi mắng một con mụ thấp hèn? Thiếp đâu phải là người như chàng tưởng! Thiếp có thể lấy tư cách của thiếp ra mà thề, hãy tin vào danh dự của thiếp. Suy từ hành vi của loại phụ nữ thấp hèn, chàng đã ngờ vực tất cả phụ nữ, nhưng như thế đâu có phải. Nếu chàng hiểu thiếp chút đỉnh, xin hãy bỏ mối ngờ vực không căn cứ đó đi.*

*Chàng xem, Ra-va-na đã đụng tới thiếp khi mà thiếp đang chết ngất đi, làm thế nào tránh được? Về điều đó chỉ có số mệnh của thiếp là đáng chê trách, nhưng những gì nằm trong vòng kiểm soát của thiếp, tức trái tim thiếp đây, là thuộc về chàng. Thiếp có thể làm gì với cái thân thiếp đây, bởi nó có thể phụ thuộc vào kẻ khác, khi thiếp hoàn toàn ở dưới quyền lực của hắn. Thiếp còn gì là thanh danh nếu như chàng vẫn chưa hiểu được thiếp qua tình yêu của thiếp và qua tiếp xúc với tâm hồn của thiếp. Hồi chàng phái Ha-nu-man dò tin tức về thiếp, cớ sao chàng không gửi cho thiếp lời nhắn nhủ chàng từ bỏ thiếp? Nếu thế thì thiếp đã kết liễu đời mình ngay trước mặt chàng Va-na-ra đó rồi. Mà sự thể đã như vậy thì chàng chẳng cần mạo hiểm để có thể nguy hại đến thân mình; và các bạn hữu của chàng khỏi phải chịu những phiền muộn, đau khổ. Hỡi Đức vua! Như một người thấp hèn bị cơn giận giày vò. Người đang nghĩ về thiếp như một phụ nữ tầm thường. Tên thiếp là Gia-na-ki, bởi thiếp có liên quan đến lễ tế sinh của nhà vua Gia-na-ka chứ không phải vì thiếp sinh ra trong gia đình đó; chỉ có nữ thần Đất là mẹ của thiếp thôi. Vì không thể suy xét cho đúng đắn, chàng không thấy được bản chất của thiếp. Chàng không nghĩ đến vì sao hồi còn thanh niên chàng đã cưới thiếp. Tình yêu của thiếp, lòng trung thành của thiếp nay xem ra hoàn toàn vô ích!”*

( Trích *Ra-ma-ya-na*, tập III, theo bản dịch ra văn xuôi của PHẠM THUỶ BA, NXB Văn học, Hà Nội, 1989)

**Câu 1.** Xác định ngôi kể của đoạn trích.

**Câu 2.** Nêu nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 3**. Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ trong biệp pháp tu từ về từ trong đoạn văn đầu tiên.

**Câu 4**. Lập luận trong cách trả lời của nàng Gia-na-ki với chàng Ra- ma như thế nào? Nêu nhận xét về những lời lập luận đó.

**Câu 5.** Qua đoạn trích, em có nhận xét gì về vẻ đẹp của nàng Gia-na-ki?

**Câu 6.** Từ lời nói của nàng Gia-na-ki trong đoạn trích, hãy viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về vẻ đẹp phẩm chất của người phụ nữ trong đời sống hôm nay.

***Gợi ý***

**Câu 1:** Ngôi kể thứ ba.

**Câu 2:** Nội dung chính của văn bản: Tâm trạng của nàng Gia-na-ki khi nghe những lời buộc tội của chồng nàng là chàng Ra-ma, đồng thời nàng đã đáp lại bằng lí trí và tình cảm để bảo vệ danh dự của mình.

**Câu 3:**

* Biện pháp tu từ so sánh:

+ nàng Gia-na-ki trong tâm trạng đau đớn - như một cây dây leo bị vòi voi quật nát;

+ mỗi lời nói của Ra-ma xuyên vào trái tim nàng Gia-na-ki như một mũi tên*.*

*+* Nước mắt nàng Gia-na-ki đổ ra như suối

* Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh:

+ Làm nổi bật hơn tâm trạng đau đớn tột cùng của nàng Gia-na-ki trước những lời lẽ xúc phạm, ruồng rẫy của chồng nàng là chàng Ra-ma. (Ra-ma đã buộc tội nàng trước đám đông – Gia-na-ki bị đẩy vào mộttình huống bi kịch, tuyệt vọng). Đó là nỗi đau khi niềm tin , tình yêu bị đổ vỡ, danh dự bị tổn thương.

+ Thể hiện sự đồng cảm, xót thương của tác giả dân gian đối với nàng Gia-na-ki đáng thương.

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, giàu hình ảnh, gợi cảm hơn.  
**Câu 4:**

\*Lập luận của nàng Gia-na-ki: Nàng đã đưa ra những lí lẽ để bảo vệ danh dự của mình trước những lời buộc tội của Ra-ma:

**-** Lời buộc tội của Ra ma được Gia-na-ki cho là giống như một kẻ thấp hèn chửi mắng một con mụ thấp hèn;

* Gia-na-ki cũng lấy danh dự của mình ra để thề rằng nàng trong trắng;
* Nói rõ Ra-va-na chỉ động vào nàng khi nàng đã ngất đi – là lúc nàng hoàn toàn nằm dưới quyền lực của quỷ Ra-va-na.
* Khẳng định những gì nằm trong sự kiểm soát của nàng, tức trái tim nàng – là thuộc về Ra ma;
* Khẳng định dòng dõi cao quý của mình: là con của thần Đất Mẹ.

**\*Nhận xét về lập luận của Gia-na-ki:**

**Nàng Gia-na-ki** lập luận chặt chẽ và có sức thuyết phục; nàng cũng đứng trên danh dự trước cộng đồng như Ra ma để minh oan. Nàng Gia-na-ki xuất thân cao quý, không cho phép ai xúc phạm danh dự của mình. Vì danh dự, nàng phải bảo vệ sự trong trắng của mình bằng được.

**Câu 5:**

* Đoạn trích làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của nàng Gia-na-ki. , đó là tấm lòng thuỷ chung tuyệt vời. Mặc dù nàng bị chàng Ra-ma ruồng rẫy, kết tội khiến trái tim nàng bị tổn thương nhưng nàng vẫn khẳng định tình yêu dành cho chồng.
* Đoạn trích còn cho thấy Gia-na-ki la một người phụ nữ thông mình khi dùng những lập luận sắc bén để minh oan, bảo vệ danh dự cho mình.

**Câu 6:** HS bày tỏ suy nghĩ của mình.

Gợi ý: Dù là xưa hay nay thì người phụ nữ vẫn luôn mang những nét đẹp đáng quý, đó là: sự đức hạnh, tình yêu chung thuỷ, lòng dũng cảm, giàu tự trọng,… Họ sẵn sàng hi sinh mạng sống để bảo toàn những giá trị cao quý đó.

**ĐỌC HIỂU NGOÀI SGK**

**Đề bài 02: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

Khi Uy-lít-xơ từ phòng tắm bước ra, trông người đẹp như một vị thần. Người lại trở về chỗ cũ, ngồi đối diện với Pê-nê-lốp, trên chiếc ghế bành ban nãy, rồi nói với nàng:  
 – Khốn khổ! Hẳn là các thần trên núi Ô-lem-pơ đã ban cho nàng một trái tim sắt đá hơn ai hết trong đám đàn bà yếu đuối, vì một người khác chắc chắn không bao giờ có gan ngồi cách xa chồng như thế, khi chồng đi biền biệt hai mươi năm trời, trải qua bao nỗi gian truân, nay mới được trở về xứ sở. Thôi, già ơi ! Già hãy kê cho tôi một ***chiếc giường*** để tôi ngủ một mình, như bấy lâu nay, vì trái tim trong ngực nàng kia là sắt.

Pê-nê-lốp thận trọng đáp:  
 - Khốn khổ! Tôi không coi thường, coi khinh ngài, cũng không ngạc nhiên đến rối trí đâu. Tôi biết rất rõ ngài như thế nào khi ngài từ giã I-tác ra đi trên một chiếc thuyền có mái chèo dài. Vậy thì, Ơ-ri-clê ! Già hãy khiêng ***chiếc giường*** chắc chắn ra khỏi gian phòng vách tường kiên cố do chính tay Uy-lít-xơ xây lên, rồi lấy da cừu, chăn và vải đẹp trải lên ***giường***.  
  Nàng nói vậy để thử chồng, nhưng Uy-lít-xơ bỗng giật mình nói với người vợ thận trọng:

- Nàng ơi, nàng vừa nói một điều làm cho tôi chột dạ. Ai đã xê dịch ***giường*** tôi đi chỗ khác vậy? Nếu không có thần giúp đỡ thì dù là người tài giỏi nhất cũng khó lòng làm được việc này. Nếu thần linh muốn xê dịch đi thì dễ thôi, nhưng người trần dù đang sức thanh niên cũng khó lòng lay chuyển được nó. Đây là một chiếc giường kì lạ, kiến trúc có điểm rất đặc biệt, do chính tay tôi làm lấy chứ chẳng phải ai […]

Người nói vậy, và Pê-nê-lốp bủn rủn cả chân tay, nàng thấy Uy-lít-xơ tả đúng mười mươi sự thực. Nàng bèn chạy ngay lại, nước mắt chan hòa, ôm lấy cổ chồng, hôn lên trán chồng và nói:  
 – Uy-lít-xơ ! Xin chàng chớ giận thiếp, vì từ xưa nay chàng vẫn là người nổi tiếng khôn ngoan. Ôi ! Thần linh đã dành cho hai ta một số phận xiết bao cay đắng vì người ghét ghen ta, không muốn cho ta được sống vui vẻ bên nhau, cùng nhau hưởng hạnh phúc của tuổi thanh xuân và cùng nhau đi đến tuổi già đầu bạc. Vậy giờ đây, xin chàng chớ giận thiếp, cũng đừng trách thiếp về nỗi gặp chàng mà thiếp không âu yếm chàng ngay. Thiếp luôn luôn lo sợ có người đến đây, dùng lời đường mật đánh lừa, vì đời chẳng thiếu gì người xảo quyệt, chỉ làm điều tai ác….Giờ đây, chàng đã đưa ra những chứng cớ rành rành, tả lại cái giường không ai biết rõ, ngoài chàng với thiếp và Ác-tô-rít, một người thị tì của cha thiếp cho, khi thiếp về đây, và sau đó giữ cửa gian phòng vách tường kiên cố của chúng ta. Vì vậy chàng đã thuyết phục được thiếp và thiếp phải tin chàng, tuy lòng thiếp rất đa nghi.

Nàng nói vậy, khiến Uy-lít-xơ càng thêm muốn khóc. Người ôm lấy người vợ xiết bao thân yêu, người bạn đời chung thuỷ của mình mà khóc dầm dề.

(Trích Ô-đi-xê, sử thi Hy Lạp, HÔ-ME-RƠ, theo bản dịch ra văn xuôi của PHAN THỊ MIẾN, NXB Văn học, Hà nội, 1983.

**Câu 1.** Xác định các nhân vật chính trong đoạn trích.

**Câu 2**. Nêu nội dung của văn bản.

**Câu 3**. Khi nói về Pê-nê-lốp, tác giả Hô-me-rơ đã dùng định ngữ nào theo sau tên gọi của nàng? Định ngữ đó cho biết vẻ đẹp gì trong phẩm chất của nàng Pê-nê-lốp?

**Câu 4.** Chi tiết chiếc giường được nhắc đến mấy lần ? Nêu ý nghĩa chi tiết chiếc giường trong đoạn trích.

**Câu 5.** Việc chọn cách thử “bí mật của chiếc giường” cho thấy vẻ đẹp gì về trí tuệ và tâm hồn nàng Pê-nê-lốp?

**Câu 6**.Viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của lòng chung thuỷ trong tình yêu.

***Gợi ý***

**Câu 1:** Các nhân vật chính: Uy-lít-xơ và Pê-nê-lốp.

**Câu 2:** Nội dung chính: Nàng Pê-nê-lốp đưa ra phép thử chiếc giường để thử thách Uy-lít-xơ và màn đoàn tụ của hai vợ chồng.

**Câu 3:** Khi nói về Pê-nê-lốp, tác giả Hô-me-rơ đã dùng định ngữ “*thận trọng*” đi kèm tên gọi nhân vật. Định ngữ nhấn mạnh sự thận trọng, khôn ngoan, tỉnh táo của nhân vật.

**Câu 4:**

* Chi tiết *chiếc giường* được nhắc đến 4 lần, trong đó Pê-nê-lốp nói đến 2 lần, Uy-lít-xơ nhắc đến 2 lần.
* Ý nghĩa chi tiết *chiếc giường* trong văn bản:

+ Chiếc giường là biểu tượng hạnh phúc của vợ chồng;

+ Chiếc giường trở thành phép thử để hai vợ chồng Uy-lít-xơ nhận ra nhau, giải toả mọi nghi ngờ.

+ Đây là sáng tạo nghệ thuật của tác giả Hô-me-rơ giúp câu chuyện thêm hấp dẫn.

**Câu 5:** Việc chọn cách thử “bí mật của chiếc giường” cho thấy vẻ đẹp trí tuệ và tâm hồn:

+ Cho thấy Pê-nê-lốp là một người khôn ngoan và thận trọng, không dễ bị những lời đường mật đánh lừa.

+ Chứng tỏ tấm lòng thuỷ chung của nàng Pê-nê-lốp bởi nếu chiếc giường đã bị chuyển đi hoặc đã không còn là bí mật của riêng hai vợ chồng nữa thì cũng có nghĩa là lòng thuỷ chung của Pê-nê-lốp cũng không còn nguyên vẹn. Phép thử ấy đã khắc sâu phẩm chất kiên trinh của Pê-nê-lốp.

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp; hành văn trong sáng.

**- Nội dung:** Suy nghĩ về ý nghĩa của lòng chung thuỷ trong tình yêu:

+ Lòng chung thủy sẽ là chất keo gắn kết hôn nhân, là cơ sở để tạo nên tình yêu bền vững và hạnh phúc gia đình.

+ Lòng chung thuỷ sẽ tạo nên sức mạnh để lứa đôi có thể vượt qua bao khó khăn, cám dỗ để có thể cùng nhau đi đến cuối con đường hạnh phúc.

+ Lòng chung thuỷ cũng sẽ tạo nên niềm tin mãnh liệt để lứa đôi luôn hướng về nhau dù ở xa nhau.

…

**Đề bài 03: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

*(*Cuộc chiến vây hãm thành Tơ-roa của quân A-kê-en(1), tức quân Hy Lạp, bước sang năm thứ mười vẫn không phân thắng bại. Quân Hi Lạp nhất thời giành thế áp đảo. Hoàng tử Héc-to, chủ soái quân đội thành Tơ-roa, quay vào thành thúc giục binh sĩ, khẩn cầu nữ thần A-tê-na giúp đỡ. Chàng ghé về nhà thăm vợ con*).*

*Trông thấy con thơ, người cha mỉm cười, không nói. Phu nhân (nàng Ăng-đrô-mác) lại bên chàng, nước mắt đầm đìa.*

*Xiết tay chàng, nàng nức nở: “Ôi, chàng thật tệ! Lòng can đảm của chàng sẽ huỷ hoại chàng! Chàng chẳng biết thương cả con trai thơ dại, cả người mẹ thiểu não này. Ra trận, bọn A-kê-en(1) nhất loạt xông lên sẽ tức khắc hạ sát chàng, chẳng mấy nữa thiếp thành goá phụ. Thiếp nguyện xuống mồ sâu còn hơn để mất chàng. Chàng bỏ thiếp lại một mình, còn gì thiết tha trên cõi đời này nữa. Phận thiếp toàn những khổ đau. Thiếp chẳng còn cha, mẹ hiền cũng không còn nữa. […]. Héc-to(2) chàng hỡi, giờ đây với thiếp, chàng là cha và cả mẹ kính yêu; chàng là cả anh trai duy nhất, cả đức lang quân cao quý của thiếp. Xin chàng hãy rủ lòng thương thiếp và con mà đừng ra trận, hãy ở lại trên tháp canh này, đừng để trẻ thơ phải mồ côi, vợ hiền thành goá phụ. […].*

*Héc-to lẫy lừng, mũ trụ sáng loáng, đáp lời nàng: “Phu nhân ơi, cả ta cũng lo lắng không nguôi về mọi điều nàng nói. Nhưng sẽ hổ thẹn xiết bao với những chiến binh và nhữn người phụ nữ thành Tơ-roa xống áo thướt tha, nếu ta ở lại đây, như kẻ hèn nhát, đứng nhìn từ xa, tránh không xung trận. Hơn nữ, bầu nhiệt huyết trong ta không cho phép ta làm vậy: từ lâu ta đã học cách luôn ở tuyến đầu, can trường chiến đấu, giành vinh quang cho thân phụ và bản thân. Ta biết, bằng cả trái tim và lí trí, tự ta biết rồi sẽ tới ngày thành Tơ-roa thiêng liêng thất thủ.*

*Cả vua Pri-am cùng thần dân giương cao ngọn giáo của người cũng sẽ bị tiêu diệt. Song điều làm tim ta tan vỡ không chỉ là nỗi thống khổ sẽ tới của những thần dân thành Tơ-roa, của chính hoàng hậu Hê-cu-ba và quốc vương Pri-am, không chỉ là nỗi thống khổ của đàn em trai rồi đây sẽ bị đòn thù ác nghiệt quật ngã xuống đất bụi mờ, mà còn là nỗi thống khổ của nàng! Một gã A-kê-en sáng loáng khiên đồng sẽ tới bắt nàng đi. Lã chã tuôn dòng lệ trắng, nàng sẽ không còn ngày tháng tự do. Nàng sẽ phải làm nô lệ, ở Ác-gốt dệt vải cho người, hay phải lặn lội tới tận lạch sông Mét-xê-ít, Hi-pê-rê lấy nước: cực nhọc trăm bề, đắng cay muôn nỗi. Một ngày, thấy nàng tuôn rơi hàng lệ, ai đó sẽ bảo: “Đó là vợ của Héc-to, kẻ can trường nhất trong số những người Tơ-roa giỏi luyện ngựa từng chiến đấu giữ thành I-li-ông năm xưa. Người nói vậy lại là đánh thức nỗi thống khổ luôn mới lại trong lòng nàng. Nàng quặn nhớ chồng lẽ ra có thể cứu nàng khỏi kiếp tôi đòi. Song lúc ấy ta đã không còn, đã bị vùi dưới đất dày từ trước khi nhìn thấy nàng bị đoạ đày ô nhục và nghe được tiếng than xé ruột của nàng!”. Dứt lời, Héc to lừng danh cúi xuống ôm con trai vào lòng.*

*(*Trích sử thi *I-li-át* - Hô-me-rơ, Hải Phong dịch, tạp chí Toán học và Văn học nhà trường, số ra tháng 2/2021)

**Chú giải:**

1. *A-ka-en:* Một trong bốn tộc người lớn nhất sinh sống trên đất Hy Lạp cổ đại. Ở đây chỉ chung những người ở bán đảo Hy Lạp, phân biệt với những người Tơ-roa ở bán đảo Tiểu Á.

**Câu 1.** Xác định ngôi kể trong văn bản.

**Câu 2**. Xác định những từ ngữ lặp lại khắc hoạ đặc điểm cố định của nhân vật Héc-to trong đoạn trích. Theo em, vì sao sử thi lại có cách khắc hoạ nhân vật như vậy?

**Câu 3**. Theo đoạn trích, lí do nào khiến Ăng-đrô-mác không muốn Héc-to ra trận? Qua đó, em thấy được phẩm chất gì của nhân vật?

**Câu 4.** Héc-to đưa ra những lí lẽ gì để vẫn quyết định ra trận?

**Câu 5.** Đoạn trích cho thấy mâu thuẫn giữa thực hiện bổn phận với cộng đồng và bổn phận với gia đình của người anh hùng sử thi. Hãy phân tích rõ điều đó.

**Câu 6**.Viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về phẩm chất của người anh hùng Héc-to quan đoạn trích. Phẩm chất đó có còn ý nghĩa với đời sống ngày nay hay không?

***Gợi ý***

**Câu 1:** Ngôi kể thứ ba.

**Câu 2:**

* Những từ ngữ lặp lại khắc hoạ đặc điểm cố định của nhân vật Héc-to trong đoạn trích là: *Héc-to lẫy lừng, mũ trụ sáng loáng; Héc to lừng danh.*
* Ý nghĩa của cách khắc hoạ nhân vật như vậy:

+ Nhằm khắc sâu ấn tượng với độc giả về vẻ đẹp của nhân vật, góp phần điển hình hoá nhân vật.

+ Giúp người đọc dễ nắm bắt thông tin cốt truyện (bởi cốt truyện sử thi rất dài, nhiều nhân vật).

**Câu 3:**

* Theo đoạn trích, lí do khiến Ăng-đrô-mác không muốn Héc-to ra trận là:

+ Ăng-đrô-mác không muốn Héc-to ra trận vì không muốn chàng phải mạo hiểm, bị sát hại, không muốn con thơ thành đứa trẻ mồ côi cha, mà bản thân mình cũng trở thành góa phụ.

+ Cha mẹ nàng đều đã không còn, nàng đã coi Héc-to là người thân kính yêu duy nhất của mình, không chỉ là chồng mà còn là cha, là mẹ, là anh trai, là chỗ dựa lớn nhất của nàng nên nàng rất sợ mất đi Héc-to.

* Những lời nói đó cho thấy Ăng-đrô-mác là một người phụ nữ yêu chồng, thương con, rất tha thiết với gia đình và luôn khao khát hạnh phúc bình yên. Đó là vẻ đẹp chung của những người phụ nữ có chồng đi chinh chiến trong sử thi.

**Câu 4:**

Những lý lẽ khiến Héc-to vẫn quyết định ra trận:

- Chàng không muốn trở thành kẻ hèn nhát, phải hổ thẹn với những người anh em, lính chiến cùng xông pha ngoài chiến trận như mình.

- Chàng là người có nhiệt huyết, lý tưởng sống cao đẹp, từ lâu đã học cách luôn đứng ở tuyến đầu, can trường chiến đấu, giành vinh quang cho thân phụ và bản thân

**Câu 5:** Mâu thuẫn giữa thực hiện bổn phận với cộng đồng và bổn phận với gia đình của người anh hùng sử thi:

+ Héc-to phải ra trận, không thể hèn nhát tránh xung trận để bảo toàn mạng sống. Chàng phải thực hiện nghĩa vụ của một ngườ chủ tướng của đôi quân Tơ-roa.

+ Nhưng chàng cũng day dứt khi không thể ở bên bảo vệ cho vợ con. Chàng đau xót khi nghĩ đến cảnh khi thành Tơ-roa bị thất thủ, vợ chàng – nàng Ăng-đrô-mác sẽ phải làm nô lệ, phục dịch cho người khác mà bản thân chàng lại bất lực không thể giải thoát cho nàng.

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp; hành văn trong sáng.

**- Nội dung:**

**\*** Suy nghĩ về phẩm chất của người anh hùng sử thi qua đoạn trích:

+ Dũng cảm, có lý tưởng chiến đấu và luôn sẵn sàng xông pha chiến trận

+ Phân biệt rạch ròi giữa tình cảm gia đình, vợ chồng cá nhân và lợi ích của dân tộc; sẵn sàng hi sinh hạnh phúc gia đình để nghĩ tới hạnh phúc, an nguy cả dân tộc, đặt tình cảm cá nhân lồng trong tình cảm lớn của người anh hùng.

\* Những phẩm chất này vẫn có ý nghĩa trong xã hội ngày nay vì bởi việc chỉ sống cho mình mà quên đi những lợi ích chung của cộng đồng, của xã hội là lối sống ích kỉ, sẽ bị mọi người khinh ghét, lên án.

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT: SỬA LỖI DÙNG TỪ**

**lÀM**

I. **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT: Nhắc lại kiến thức về sửa lỗi dùng từ tiếng Việt**

**\*Một số lỗi dùng từ hay gặp:**

- Dùng từ không đúng về hình thức ngữ âm, chính tả.

- Dùng từ không đúng nghĩa.

**\*Cách khắc phục:**

Yêu cầu chung: Khi sử dụng tiếng việt,ta cần tuân thủ những yêu cầu sau về ngữ âm, chữ viết và ngữ nghĩa:

+ Về ngữ âm: Cần phát âm theo âm chuẩn của tiếng Việt.

+ Về chữ viết: cần viết đúng theo quy tắc hiện hành về chính tả và về chữ viết nói chung.

+ Về ngữ nghĩa: Cần dùng từ chính xác về nghĩa. Mỗi khi dùng một từ mà chưa hiểu thật rõ nghĩa thì nên tra từ điển, đọc kĩ các nghĩa và các ví dụ về cách dùng của từ đó.

**II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Dạng 1: Trắc nghiệm: Em hãy lựa chọn một đáp án đúng nhất:**

[**Câu 1.**Từ nào thích hợp điền vào chỗ trống: *.............: tỏ ra kiêu ngạo và lạnh nhạt, ra vẻ không thèm để ý đến người đang tiếp xúc với mình.*](https://doctailieu.com/trac-nghiem/tu-nao-thich-hop-dien-vao-cho-trong-to-ra-kieu-ngao-va-lanh-nhat-63077)

A. Khinh khỉnh

B. Khinh bạc

C. Ghen ghét

D. Yêu quý

**Đáp án A**

[**Câu 2.**Từ nào thích hợp điền vào chỗ trống: *............. : nhanh, gấp và có phần căng thẳng.*](https://doctailieu.com/trac-nghiem/tu-nao-thich-hop-dien-vao-cho-trong-nhanh-gap-va-co-phan-cang-63078)

A. Khẩn thiết

B. Khẩn trương

C. Bình tĩnh

D. Không dùng được từ nào trong các từ trên

**Đáp án B**

[**Câu 3.** Từ nào dùng sai trong câu sau: *Làm sai thì cần thực thà nhận lỗi, không nên bao biện.*](https://doctailieu.com/trac-nghiem/tu-nao-dung-sai-trong-cau-sau-lam-sai-thi-can-thuc-tha-nhan-loi-khong-nen-bao-63079)

A. Làm sai

B. Thực thà

C. Nhận lỗi

D. Bao biện

**Đáp án B**

[**Câu 4.** Từ nào dùng sai trong câu sau: *Hắn quát lên một tiếng rồi tống một cú đá vào bụng ông Hoạt.*](https://doctailieu.com/trac-nghiem/tu-nao-dung-sai-trong-cau-sau-han-quat-len-mot-tieng-roi-tong-mot-cu-da-vao-63080)

A. Tống

B. Quát

C. Ông Hoạt

D. Không từ nào dùng sai

**Đáp án A**

[**Câu 5**. Từ nào thích hợp điền vào chỗ trống: ............. : *không yên lòng vì có những điều phải suy nghĩ, lo liệu.*](https://doctailieu.com/trac-nghiem/tu-nao-thich-hop-dien-vao-cho-trong-khong-yen-long-vi-co-nhung-63081)

A. Bâng khuâng

B. Băn khoăn

C. Yên trí

D. Bồi hồi

**Đáp án B**

**Câu 6**. Câu “*Mẹ rất quan tâm với việc học tập, sinh hoạt của em*”, từ nào sử dụng sai?

A. Rất

B. Quan tâm

C. Với

D. Việc

**Đáp án C**

**Dạng 2: Tự luận**

**Bài tập 1:**  **Xác định từ có hình thức ngữ âm, chính tả đúng trong các trường hợp sau đây:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. bàn hoàn/ bàng hoàng 2. chất phát/ chất phác 3. bàn quan/ bàng quan 4. lãng mạn/ lãng mạng 5. hiu trí/ hưu trí 6. trau chuốt/ chau chuốt 7. phản ảnh/ phản ánh | 1. lồng làn/ nồng nàn 2. đẹp đẽ/ đẹp đẻ 3. chặc chẻ/ chặt chẽ 4. cổ chuyền/ cổ truyền 5. báng trưng/ bánh chưng 6. uống riệu/ uống rượu 7. kể chuyện/ kể truyện |

***Gợi ý***

**\*Các từ viết đúng:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. bàng hoàng 2. chất phác 3. bàng quan 4. lãng mạn 5. hưu trí 6. trau chuốt 7. phản ánh | 1. nồng nàn 2. đẹp đẽ 3. chặt chẽ 4. cổ truyền 5. bánh chưng 6. uống rượu 7. kể chuyện |

**Bài tập 2: Hãy phát hiện và chữa lỗi dùng từ trong các câu sau:**

1. *Khi ra pháp trường, anh ấy vẫn hiên ngang đến phút chót lọt.*
2. *Những học sinh trong trường sẽ hiểu sai vấn đề mà thầy giáo truyền tụng.*
3. *Trời lạnh, An vẫn mặc áo phong thanh.*
4. *Hoạt động y tế cơ sở là hoạt động thầm kín.*
5. *Cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta là một cuộc chiến tranh lâu dài và gian khổ*
6. *Trái lại, lũ quan lại dưới Triều đình chỉ biết hợp tác với nhau, dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để bóc lột nhân dân.*
7. *Tất cả mọi hành động, suy nghĩ của mình, chị Út đều dồn vào tương lai của đàn con.*
8. *Khu nhà này thật là hoang mang.*
9. *Mái tóc ông em đã sửa soạn bạc trắng.*
10. *Ông nghe bì bõm câu chuyện của vợ chồng luật sư.*
11. *Vừa rồi, ông em được trao tặng danh hiệu 50 năm tuổi Đảng.*

*Gợi ý*

**\*Các câu đều mắc lỗi dùng từ chưa đúng nghĩa:**

1. *Khi ra pháp trường, anh ấy vẫn hiên ngang đến phút* ***chót****.*
2. *Những học sinh trong trường sẽ hiểu sai vấn đề mà thầy giáo* ***truyền đạt.***
3. *Trời lạnh, An vẫn mặc áo* ***phong phanh****.*
4. *Hoạt động y tế cơ sở là hoạt động* ***thầm lặng.***
5. *Cuộc* ***kháng chiến*** *chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta là một cuộc chiến tranh lâu dài và gian khổ*
6. *Trái lại, lũ quan lại dưới triều đình chỉ biết* ***cấu kết*** *với nhau, dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để bóc lột nhân dân.*
7. *Tất cả mọi hành động, suy nghĩ của mình, chị Út đều* ***hướng******tới*** *tương lai của đàn con.*
8. *Khu nhà này thật là* ***hoang vắng.***
9. *Mái tóc ông em đã* ***sắp sửa*** *bạc trắng.*
10. *Ông nghe* ***bập bõm*** *câu chuyện của vợ chồng luật sư.*
11. *Vừa rồi, ông em được trao tặng* ***huy hiệu*** *50 năm tuổi Đảng.*

**Bài tập 3**: **Lựa chọn những câu dùng từ đúng trong các câu sau:**

*a. Anh ấy có một yếu điểm: không quyết đoán trong công việc.*

*b. Điểm yếu của họ là thiếu tinh thần đoàn kết*

*c. Bọn giặc đã ngoan cố chống trả quyết liệt.*

*d. Bộ đội ta đã ngoan cường chiến đấu trong suốt một ngày đêm.*

*e. Tiếng Việt rất giàu âm thanh và hình ảnh, cho nên có thể nói đó là thứ tiếng rất linh động, phong phú.*

***Gợi ý***

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu đã cho** | **Lựa chọn** |
| *a. Anh ấy có một yếu điểm: không quyết đoán trong công việc.* | Câu sai từ “yếu điểm”, chữa thành “điểm yếu”. |
| *b. Điểm yếu của họ là thiếu tinh thần đoàn kết* | Câu đúng |
| *c. Bọn giặc đã ngoan cố chống trả quyết liệt.* | Câu đúng |
| *d. Bộ đội ta đã ngoan cường chiến đấu trong suốt một ngày đêm.* | Câu đúng |
| *e. Tiếng Việt rất giàu âm thanh và hình ảnh, cho nên có thể nói đó là thứ tiếng rất linh động, phong phú.* | Câu sai từ “linh động”, chữa thành “sinh động" |

**Bài tập 4:** Đọc lại các đoạn văn, các bài làm văn của anh (chị) đã viết trong các tiết ôn tập trước, hãy phân tích và sửa chữa các lỗi dùng từ (nếu có) về chữ viết, về ngữ nghĩa.

**ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:**

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I**. **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Đặc điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội**

**-** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội là bàn luận, nêu lên những suy nghĩ, đưa ra được lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của người viết về vấn đề xã hội ấy.

- Vấn đề xã hội bao gồm:

+ Vấn đề tích cực hoặc vấn đề tiêu cực hoặc cả 2 (theo tính chất)

+ Vấn đề có thể là một tư tưởng, đạo lí; một hiện tượng có thực trong đời sống con người hoặc một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.

Ví dụ:

- suy nghĩ về lòng thương người.

- suy nghĩ về thói vô cảm.

- Qua tìm hiểu đoạn trích “Hê-ra-clét đi tìm táo vàng”, trình bày suy nghĩ về sức mạnh của ý chí.

**2. Yêu cầu chung đối với bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội**

**- Tìm hiểu đề (đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề bài; xác định các thao tác lập luận; xác định phạm vi dẫn chứng của bài viết); xem lại các tác phẩm đã học liên quan đến vấn đề xã hội đặt ra của đề bài.**

**- Xác định các luận điểm, luận cứ trong bài viết, lưa chọn các dẫn chứng tiêu biểu cho mỗi luận cứ.**

**- Triển khai bài viết đảm bảo sáng rõ ý kiến và hệ thống luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, sử dụng các bằng chứng thuyết phục – chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.**

**- Liên hệ, mở rộng, so sánh với thực tiễn đời sống và suy nghĩa của bản thân.**

**3. Dàn ý chung của bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội**

**\* Mở bài:** Nêu vấn đề cần bàn luận

**\* Thân bài:** Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài.

**\* Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề của em; rút ra bài học cho bản thân.

**II.** **THỰC HÀNH VIẾT**

**Đề 01:** Suy nghĩ về ý nghĩa của việc theo đuổi ước mơ.

**Đề 02**: Suy nghĩ về vai trò của sự lắng nghe trong cuộc sống.

**Đề 03: Suy nghĩ về tác hại của thói quen trì hoãn.**

**Đề 04: Từ các đoạn trích *Hê-ra-clét đi tìm táo vàng* và *Chiến thắng Mtao Mxây*, viết bài văn nghị luận bàn về ý nghĩa của việc vượt qua những thử thách trong cuộc sống.**

**Đề 05: Từ các đoạn trích *Hê-ra-clét đi tìm táo vàng* và *Chiến thắng Mtao Mxây*, viết bài văn nghị luận bàn về sức mạnh của lòng dũng cảm trong cuộc sống.**

**🡺GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho mỗi đề:**

(GV có thể giao lập dàn ý theo nhóm, mỗi nhóm làm 01 đề và cử đại diện trình bày)

**Đề 01:** Suy nghĩ về ý nghĩa của việc theo đuổi ước mơ

**Dàn ý**

1. Mở bài

Dẫn dắt và nêu vấn đề cần bàn luận (ý nghĩa của việc theo đuổi ước mơ).

Ví dụ: Ước mơ là ngọn đèn soi sáng cho mỗi người trên đường đi đến thành công. Do đó, theo đuổi ước mơ có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với mỗi người.

1. Thân bài

**\* Giải thích**

- *Ước mơ*: là những dự định, khát khao mà mỗi chúng ta mong muốn đạt được trong thời gian ngắn hoặc dài; là động lực để mỗi chúng ta vạch ra phương hướng đường đi để dẫn tới ước mơ.

- *Theo đuổi giấc mơ*: là nỗ lực, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, bỏ sức lực, trí tuệ để có thể biến ước mơ thành hiện thực.

**\*Chứng minh: Tại sao nên theo đuổi ước mơ ?**

**- Ước mơ có vai trò quan trọng với mỗi người, giúp chúng ta sống cuộc đời có ý nghĩa, cống hiến cho xã hội.**

**- Con đường vươn tới ước mơ không hề dễ dàng, phải trải qua nhiều chông gai, thử thách, sẽ đôi lúc khiến ta mệt mỏi, muốn bỏ cuộc.**

- Cần phải theo đuổi ước mơ đến cùng vì:

+ Việc theo đuổi ước mơ sẽ giúp ta đạt được mục tiêu đã đặt ra, giúp ta có cơ hội để thể hiện và khẳng định bản thân mình.

+ Nhờ theo đuổi ước mơ mà con người biết sống có kế hoạch, biết vạch sẵn ra những bước đi để biến ước mơ thành hiện thực.

+ Nếu không theo đuổi ước mơ thì cuộc sống của chúng ta sẽ trở nên vô vị, tẻ nhạt, nhàm chán; chúng ta sẽ sống hoài sống phí, và trở thành người tụt hậu bị bạn bè, xã hội bỏ lại phía sau.

- HS lấy dẫn chứng về những tấm gương dám theo đuổi ước mơ đến cùng để chứng minh.

(Ví dụ: nhà văn An-đéc-xen, tỉ phú Bill Gate, ông chủ của Apple là Steve Jobs,…)

**\*Bàn luận:**

- Trong xã hội ngày nay, có rất nhiều bạn trẻ đang ngày đêm theo đuổi ước mơ và nỗ lực hết sức để ước mơ trở thành hiện thực

- Tuy nhiên, vẫn còn những bạn trẻ sống không có ước mơ, không hiểu mình muốn gì và không có ý chí phấn đấu, sống buông bỏ đời mình theo số phận muốn tới đâu thì tới, sống ỷ lại, thụ động, phụ thuộc vào gia đình.

-  Một số khác thì theo đuổi những ước mơ quá xa vời, thiếu thực tế

- Một số lại sống bằng lòng với thực tại, ngại khó, ngại khổ, không dám theo đuổi ước mơ.

3. Kết bài

- Khái quát lại vai trò của ước mơ và ý nghĩa của việc theo đuổi ước mơ.

- Liên hệ bản thân để rút ra bài học:

+ Mỗi chúng ta cần phải có ước mơ mục đích sống cho riêng mình, nhất là lứa tuổi HS.

+ Để đạt được ước mơ chúng ta cần ra sức rèn luyện học tập, tu dưỡng đạo đức để chuẩn bị những tư trang cần thiết cho con đường đi tới ước mơ của mình.

**Đề 02**: Suy nghĩ về vai trò của sự lắng nghe trong cuộc sống.

**Dàn ý**

1. **Mở bài**

Dẫn dắt và nêu vấn đề cần bàn luận (vai trò của sự lắng nghe trong cuộc sống).

Ví dụ: Một nhà văn Hy Lạp đã từng viết: “Chúng ta có hai tai và một mồm để nghe nhiều hơn và nói ít hơn”. Có thể nói biết lắng nghe là một trong những điều làm nên giá trị của một con người đó. Biết tôn trọng lời nói cũng như câu chuyện của người khác là một trong những phép lịch sự mà chúng ta cần phải cố gắng có mỗi ngày.

**2. Thân bài**

**\* Giải thích**

- ***Lắng nghe*** là quá trình tập trung tiếp nhận âm thanh một cách chủ động có chọn lọc, đi kèm với phân tích thông tin và đưa ra phản hồi thích hợp với những gì họ tiếp nhận.

- ***Mục đích của lắng nghe:*** nắm bắt được nội dung vấn đề, thu thập được nhiều thông tin, đánh giá nội dung thông tin và tương tác qua lại trong quá trình diễn đạt.  
**\*Chứng minh: Tại sao chúng ta cần lắng nghe trong cuộc sống?**

- Trong công việc:

+ Lắng nghe giúp ta học hỏi kinh nghiệm, thấu hiểu tâm tư tình cảm, tính cách, sở thích, thói quen của đồng nghiệp, khách hàng, đối tác và những người xung quanh; tạo ra sự liên kết về xúc cảm, từ đó tạo được thiện cảm với đối phương.

+ Đối với các nhà lãnh đạo, kỹ năng lắng nghe sẽ giúp họ thấu hiểu nhân viên của mình, tạo được sự gắn kết và tăng hiệu quả làm việc.

- Trong cuộc sống:

+ Lắng nghe giúp nâng cao kỹ năng giao tiếp của bạn đối với những người xung quanh, xây dựng và phát triển quan hệ

+ Lắng nghe giúp con người hiểu nhau để thân thiết, gắn bó và tin tưởng hơn bởi lắng nghe giúp chia sẻ cảm thông với người khác, đồng thời có thể hiểu đối phương hơn.

+ Thể hiện sự tôn trọng người khác, tôn trọng câu chuyện của họ.

+ Lắng nghe giúp ta giải quyết xung đột hiệu quả hơn.  
**\*Bàn luận:**

- Liên hệ, mở rộng vấn đề: Trong cuộc sống, vẫn còn nhiều người mắc căn bệnh không chịu lắng nghe, vô cảm, thờ ơ trước tiếng kêu cứu của cuộc sống... Vẫn còn những kẻ bảo thủ, độc đoán, không chấp nhận sự những ý kiến mới mẻ, đóng góp của người khác. Họ là những lực cản làm tụt lùi xã hôi.

- Bài học nhận thức: Trong cuộc sống, sự lắng nghe có vai trò rất quan trọng. Luôn biết lắng nghe và thấu hiểu đó là điều quan trọng trong cách hoàn thiện nhân cách cá nhân, tạo nên những giá trị to lớn trong cuộc sống, văn hóa.

- Bài học hành động:

+ Rèn luyện kỹ năng lắng nghe

+ Luôn biết lắng nghe và học hỏi từ mọi người xung quanh để nâng cao vốn tri thức, kinh nghiệm cho bản thân, thấu hiểu mọi người.

+ ...

**3. Kết bài**

- Khái quát, khẳng định lại vai trò ý nghĩa quan trọng của sự lắng nghe trong cuộc sống.

- Rút ra bài học cho bản thân cần phải biết lắng nghe.

**Đề 03: Suy nghĩ về tác hại của thói quen trì hoãn.**

**Dàn ý**

1. **Mở bài**

Dẫn dắt và nêu vấn đề cần bàn luận (tác hại của thói quen trì hoãn).

Ví dụ: Cuộc sống là một chuỗi những hành trình, để thực hiện những mục tiêu, dự định con người cần lên kế hoạch và thực hiện tốt những công việc. Thời gian để hiện thực hóa mục tiêu của mỗi người lại không giống nhau, có người thực hiện một cách nhanh chóng trong một khoảng thời gian xác định, cũng có người phải mất khoảng thời gian rất dài mới có thể thực hiện được. Có sự khác nhau này không chỉ do định hướng, cách thức thực hiện của con người mà còn bị chi phối bởi thói quen trì hoãn công việc.

**2. Thân bài**

**\* Giải thích**

- Trì hoãn trong công việc: là chần chừ, lề mề, rề rà, chưa muốn bắt tay vào làm ngay một công việc nào đó hoặc có tâm lí chờ và để một thời gian mới làm và giải quyết.

- Thói quen trì hoãn công việc lại là thói quen được lặp đi lặp lại nhiều lần ở con người.

\***Thực trạng:** Đây là thói quen xấu mà rất nhiều người mắc phải, tuỳ theo mức độ nặng nhẹ.

**\*Bàn luận: Tác hại của thói quen trì hoãn trong công việc**

- Với cá nhân:

+ Thói quen trì hoãn và viện cớ sẽ khiến chúng ta giậm chân tại chỗ, không nỗ lực bắt tay vào hành động, do đó không đạt được những gì mình mong ước. Trì hoãn công việc ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và kết quả của công việc, trì hoãn khiến ta không hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn

+ Trì hoãn khiến cho con người bỏ lỡ những cơ hội, những điều kiện tốt để phát triển và khẳng định giá trị của bản thân.

+ Thói quen trì hoãn công việc còn làm nảy sinh tính bê trễ, thiếu kỉ luật, trách nhiệm với bản thân cũng như với công việc được giao, từ đó hình thành tâm lí ỷ lại, lười biếng.

- Với tập thể, xã hội:

+ Thói quen trì hoãn công việc sẽ khiến cho công việc của tập thể chậm tiến độ, khó hoàn thành mục tiêu đã đặt ra đúng hạn.

+ Thói quen xấu này là lực cản, làm tụt lùi sự phát triển của xã hội.

***\* Bài học nhận thức và hành động:***

+ Tuổi trẻ cần học tập, tu dưỡng, rèn luyện kĩ năng, tiếp thu lĩnh hội kiến thức mới mẻ để không trì hoãn công việc mỗi khi thấy khó.

+ Nỗ lực học hỏi, sáng tạo, giải quyết nhanh công việc, không để tồn đọng công việc sẽ gây ảnh hưởng đến người khác.

**3. Kết bài**

- Khái quát, khẳng định lại tác hại tiêu cực của thói quen trì hoãn công việc.

- Rút ra bài học cho bản thân cần sống có trách nhiệm, tự giác hoàn thành công việc đúng thời hạn, sống có kỉ luật.

**Đề 04: Từ các đoạn trích *Hê-ra-clét đi tìm táo vàng* và *Chiến thắng Mtao Mxây*, viết bài văn nghị luận bàn về ý nghĩa của việc vượt qua những thử thách trong cuộc sống.**

**Dàn ý**

1. **Mở bài**

Dẫn dắt, nêu vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của việc vượt qua những thử thách trong cuộc sống.

Ví dụ: “Nếu tất cả đường đời đều trơn láng , chắc gì ta đã nhận ra ta”. Cuộc đời con người là hành trình vượt qua những khó khăn, thử thách. Chính điều đó làm cho cuộc đời mỗi chúng ta thêm ý nghĩa và xác lập ta là ai trong cuộc đời này.

**2. Thân bài**

\* **Giải thích**: Thử thách là những yếu tố gây khó khăn, cản trở đến việc thực hiện một công việc, một kế hoạch, một mục tiêu nào đó, buộc con người ta phải vượt qua.

\* **Vì sao ta phải vượt qua những thử thách trong cuộc sống?**

+ Cuộc đời vốn không bằng phẳng mà luôn có những khó khăn, vấp ngã đang chờ đón con người.

+ Những khó khăn của cuộc sống là môi trường để thử thách tuổi trẻ;

\* **Ý nghĩa của việc vượt qua những thử thách trong cuộc sống:**

+ Vượt qua những khó khăn, thử thách đem lại cho ta hiểu biết và kinh nghiệm thực tế; giúp chúng ta mau chóng trưởng thành về cách nghĩ, cách sống, bồi đắp tình cảm, tâm hồn, giúp mỗi người gắn bó và góp phần cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước.

+ Những thử thách là môi trường giúp ta tôi luyện bản lĩnh, ý chí để ngày càng vững vàng hơn trong cuộc sống, có sức mạnh tinh thần để từng bước dấn thân vào cuộc đời; làm chủ cuộc đời của mình…

+ Thử thách là cơ hội để ta khẳng định giá trị của chính mình.

+ Sống cuộc đời bằng phẳng, mưu cầu sự yên bình sẽ khiến ta thiếu đi những trải nghiệm, khi đó cuộc sống của mỗi người sẽ nghèo nàn, thụ động, nhàm chán, vô ích, không cảm nhận được sự thú vị của cuộc sống.

**\* Bàn luận mở rộng**:

+ Tuổi trẻ cần dấn thân, tìm đến những thử thách để thể hiện và khẳng định bản thân mình, sống cuộc đời có ý nghĩa.

+ Bên cạnh những bạn trẻ dám đón nhận, dám đối mặt và vượt qua những thử thách thì không ít người thấy khó khăn, thử thách là nhụt chí, bỏ cuộc. Những bạn trẻ đó đã tự đánh mất đi cơ hội đi đến thành công của chính mình.

- Nêu bài học nhận thức và hành động: Cần nhận thức được vai trò quan trọng và cần thiết của những thử thách trong cuộc sống, biết đón nhận và vượt qua để bản thân trưởng thành, vững vàng và sống đẹp hơn.

**3. Kết bài**

– Khẳng định lại ý nghĩa của những thử thách trong cuộc sống.

* Rút ra bài học cho bản thân: Phải biết thử thách là điều tất yếu để chuẩn bị tinh thần, tìm mọi cách vượt qua và đi qua nó để cuộc sống tốt đẹp hơn.

**Đề 05: Từ các đoạn trích *Hê-ra-clét đi tìm táo vàng* và *Chiến thắng Mtao Mxây*, viết bài văn nghị luận bàn về sức mạnh của lòng dũng cảm trong cuộc sống.**

**Dàn ý**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của lòng dũng cảm.

- Lòng dũng cảm là một trong những đức tính vô cùng cần thiết và đáng quý ở mỗi con người. Dù ở nơi đâu khi làm bất cứ việc gì con người cũng đều cần đến lòng dũng cảm.

**2. Thân bài**

**\*Giải thích:**

- Dũng cảm là không sợ nguy hiểm, khó khăn.

- Người có lòng dũng cảm là người không run sợ, không hèn nhát, dám đứng lên đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác, các thế lực tàn bạo để bảo vệ công lí, chính nghĩa.

**\*Bàn luận**

- Khẳng định và chứng minh: Dũng cảm là phẩm chất tốt đẹp của con người ở mọi thời đại:

+ Trong công cuộc chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, biết bao anh hùng liệt sĩ đã hi sinh tuổi xuân và tính mạng của mình cho độc lập tự do của dân tộc. Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta chứng kiến rất nhiều những hành động dũng cảm: cứu người hoạn nạn, truy bắt tội phạm, tố cáo tiêu cực...

+ Những con người dũng cảm luôn vượt lên trên hiểm nguy để hành động theo lẽ phải, họ được cả xã hội ca ngợi, tôn vinh.

- Ý nghĩa của lòng dũng cảm:

+ Với cá nhân:

++ Lòng dũng cảm tiếp thêm động lực giúp ta dám đương đầu với khó khăn, thử thách, vượt qua những cản trở để vươn tới thành công.

++ Lòng dũng cảm giúp ta có can đảm để làm những việc tốt và đấu tranh chống lại cái xấu đến cùng.

++ Người có lòng dũng cảm sẽ được mọi người tin tưởng, yêu quý.

+ Với xã hội: Lòng dũng cảm của các cá nhân sẽ góp phần tạo nên một cộng đồng văn minh, tốt đẹp, trong sạch.  
- Mở rộng, liên hệ thực tế:

+ Những người nhầm tưởng lòng dũng cảm với hành động liều lĩnh, mù quáng, bất chấp công lí.

+ Phê phán những người hèn nhát, bạc nhược không dám đấu tranh, không dám đương đầu với khó khăn thử thách để vươn lên trong cuộc sống.

**\* Bài học nhận thức và hành động của bản thân**

- Rèn luyện tinh thần dũng cảm từ việc làm nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày nơi gia đình, nhà trường như dám nhận lỗi khi mắc lỗi, dũng cảm chỉ khuyết điểm của bạn.

- Trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc rèn luyện lòng dũng cảm, phát huy truyền thống quý báu của dân tộc

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

- Rút ra bài học cho bản thân.

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP CẢ BÀI HỌC 1**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành đề bài ôn tập tổng hợp.

**c. Sản phẩm:** Bài làm hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:**

**Cách 1:** GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS

HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**Cách 2:** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút

HS làm việc cá nhân.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**- Kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**Cách 1: Đề tự luận 100%**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |  |
| ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***( %)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Số***  ***câu hỏi*** | ***Thời gian (phút)*** |
| **1** | Đọc hiểu | 15 | 5 | 15 | 5 | 10 | 10 | 0 | 0 | 06 | 20 | 40 |
| **2** | Làm văn | 25 | 10 | 15 | 10 | 10 | 20 | 10 | 30 | 01 | 70 | 60 |
| **Tổng** | | **40** | **15** | **30** | **15** | **20** | **30** | **10** | **30** | **07** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu đoạn trích thần thoại/sử thi  (Ngoài SGK) | **Nhận biết:**  - Xác định được phương thức biểu đạt đoạn trích/ ngôi kể/ nhân vật/ sự kiện chính,…  - Chỉ ra thông tin trong đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc sắc về nội dung của đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu…  - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, xây dựng nhân vật, chi tiết hoang đường kì ảo…  - Hiểu được một số đặc trưng của thần thoại và sử thi thể hiện trong đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong đoạn trích.  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung đoạn trích. | 3 | 2 | 1 | 0 | 6 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Nghị luận về một vấn đề xã hội | **Nhận biết:**  - Xác định được vấn đề xã hội cần bàn luận.  - Xác định được cách thức trình bày bài văn.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của vấn đề nghị luận.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề xã hội.  **Vận dụng cao:**  - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề xã hội.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  | 1 |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **7** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40** | **30** | **20** | **10** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | |  |

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Vừa đi khỏi đảo, tôi bỗng thấy bụi nước bắn lên như một màn sương từ những ngọn sóng lớn và nghe tiếng sóng đập ầm ầm.*

*Các bạn tôi sợ quá, đánh tuột cả mái chèo, khiến chúng rơi tõm xuống biển và trôi là là mặt nước. Thuyền đứng lại ngay, vì họ không điều khiển những mái chèo thon dài nữa. Tôi bèn đi từ đầu đến cuối thuyền, dừng lại bên mỗi người, lựa lời dịu ngọt khuyến khích họ:*

*- Các bạn ơi! Chúng ta chẳng phải là những người chưa qua thử thách. Tai hoạ đang chờ chúng ta chưa hẳn đã ghê gớm hơn hồi tên Xi-clốp(1) (Cyclop) đem cả sức mạnh hung tàn của hắn, nhốt chúng ta trong hang. Nhưng nhờ có lòng dũng cảm, với lời khuyên và mưu trí của ta, nên chúng ta cũng đã thoát nạn, chắc các bạn vẫn còn nhớ rõ. Và bây giờ các bạn hãy can đảm lên, tất cả hãy nghe ta. Các bạn ngồi bên cọc chèo, hãy đập sâu mái chèo xuống nước, thử xem may ra Dớt có cho ta qua được bước nguy nan và thoát chết chăng.*

*Còn bạn hoa tiêu, hãy nghe lệnh ta và nhớ cho kĩ, vì bạn cầm lái chiếc thuyền trũng này. Bạn phải tránh lái màn sương và những ngọn sóng kia, cẩn thận cho thuyền ven theo dãy đá ngầm nọ, kéo nó đi chệch hướng trong lúc bạn sơ tâm không biết, rồi trôi ào tới đằng kia mà đẩy chúng ta vào chỗ chết đó.*

*Tôi nói vậy, và họ vội vã tuân theo. Tôi không đả động gì tới Xi-la(2), tai hoạ không sao tránh khỏi, vì e họ sợ quá, không chèo thuyền nữa mà trốn cả xuống khoang chăng. Thế là tôi quên khuấy mất lời dặn dò ác nghiệt của Xi-éc-xê(3). Nàng cấm tôi không được cầm khí giới, nhưng tôi đã mặc bộ áo giáp quang vinh của tôi và nắm trong tay hai ngọn lao dài, ra đứng ở mũi thuyền, tưởng rằng đứng đấy tôi có thể nhận ngay ra Xi-la khi nó ở núi đá hiện lên, xông vào các bạn tôi để hãm hại. Nhưng tôi mỏi mắt nhìn khắp dãy núi đá mờ mịt hơi sương mà vẫn không thấy nó đâu.*

*Chúng tôi vừa than vãn vừa chèo thuyền tiến thẳng vào eo biển hiểm nghèo, một bên là Xi-la, một bên là Ka-ríp(4) ùng ục ngốn nước biển. Mỗi lần nó nhả nước ra, cả biển khơi đều chuyển động, sôi lên như nước trong chảo đặt trên bếp lửa hồng, bọt nước phun lên cao và rơi xuống cả hai dãy núi. Rồi khi nó lại nuốt nước vào thì làm biển sùng sục cuộn lên, vách đá xung quanh kêu réo ghê sợ, và đáy biển lộ ra mặt cát đen thẫm. Các bạn đồng hành của tôi hoảng hốt, sợ tái xanh cả mặt.*

(Trích *Ô-đi-xê*, sử thi Hy Lạp - Hô-me-rơ, Phan Thị Miến dịch,

NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

**Chú giải:**

*(1) Xi-clốp*: giống người khổng lồ có một mắt giữa trán.

1. *Xi-la (Scylla):* quái vật biển hung ác có nhiều đầu, nhiều tay chuyên rình bắt ăn thịt các tay chèo.
2. *Xi-éc-xê*: nữ chúa xinh đẹp, tóc quăn, cai quản một quốc đảo nơi thuỷ thủ đoàn của Ô-đi-xê lạc vào. Vì mê đắm Ô-đi-xê nên nàng đã tìm cách giam giữ, chung sống với chàng, nhưng cũng chỉ dẫn và giúp đỡ chàng trong hành trình trở về quê hương.
3. *Ka-ríp (Charybclis):* quái vật biển hung dữ có nhiều đầu, chặt đầu này sẽ mọc ngay đầu khác.

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

**Câu 2.**Đoạn trích được kể theo ngôi kể nào? Nêu tác dụng của ngôi kể đó.

**Câu 3*.*** Theo đoạn trích, Ô-đi-xê và bạn bè của chàng đã phải đối mặt với thử thách, tai hoạ gì?

**Câu 4*.*** Theo anh/ chị, hình tượng những con quái vật biển như Xi-la, Ka-ríp được xây dựng từ những hình tượng tự nhiên nào? Các hình tượng thiên nhiên ấy giúp anh/ chị hình dung như thế nào về không gian, thời gian sử thi?

**Câu 5.** Trước những khó khăn, thử thách mà Ô-đi-xê và các bạn đồng hành phải đối mặt, chàng đã có những lời nói và hành động nào? Qua đó cho thấy vẻ đẹp gì ở Ô-đi-xê?

**Câu 6**. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 3 - 5 câu) để trả lời câu hỏi: *Cần làm gì để vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống?*

**PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)**

Viết bài văn trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc vượt qua những thử thách trong cuộc sống.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | **1** | Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Tự sự  ***Hướng dẫn chấm***: Trả lời đúng như đáp án 0,5 điểm | 0,5 |
| **2** | - Ngôi kể thứ nhất: người kể (chàng Ô-đi-xê) xưng “tôi”  - Tác dụng của ngôi kể: Ngôi kể thứ nhất giúp câu chuyện trở nên chân thực hơn vì được sự việc được nhìn dưới góc nhìn của nhân vật và trải nghiệm cảm xúc của họ.  ***Hướng dẫn chấm***: Mỗi ý 0,25 điểm | 0,5 |
| **3** | Theo đoạn trích, Ô-đi-xê và bạn bè của chàng đã phải đối mặt với thử thách, tai hoạ là: gặp Xi-la và Ka-ríp – những quái vật biển có sức mạnh hung ác, có thể làm đắm thuyền hoặc rình bắt các tay chèo ăn thịt.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 0,5 điểm*  *- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng 0,25 điểm* | 0,5 |
| **4** | * Hình tượng những con quái vật biển như Xi-la, Ka-ríp được xây dựng từ những hình tượng tự nhiên:   + Xi-la: có thể được xây dựng từ hình tượng những dãy đá ngầm trên biển, là mối hiểm hoạ cho các tàu thuyền khi sơ ý đâm vào.  + Ka-ríp: có thể được xây dựng từ hình tượng những vòi rồng trên biển với sức mạnh khủng khiếp, có thể hút nước vào tạo những cột nước cao trên không trung.  - Các hình tượng thiên nhiên ấy giúp ta hình dung về không gian, thời gian sử thi: Có thể thấy không gian sử thi ở đây được gắn liền với hình tượng thiên nhiễn kì vĩ, hoang sơ. Không gian luôn chứa đựng những điều kì bí, pha lẫn sự nguy hiểm đối với con người. Thời gian trong sử thi thường là thời kì xa xưa, nguyên thuỷ khi con người chưa có hiểu biết và lí giải đầy đủ về thế giới quanh mình.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 0 ,75 điểm*  *- Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,5 điểm*  **-** *Trả lời được 1 phần của ý 1 hoặc ý 2 trong Đáp án: 0,25 điểm* | 0,75 |
| **5** | * Lời nói, hành động của Ô-đi-xê:   + Ô-đi-xê luôn gọi những thủy thủ của mình là ''các bạn ơi''. Chàng không coi họ là những tôi tớ, người hầu của mình mà coi họ như những người bạn, những người đồng đội thực sự của mình.  + Lựa lời dịu ngọt để khuyến khích, vựa dậy tinh thần của các thuyền viên khác khi họ bị hoảng sợ trước sự tấn công của Xi-la và Ka-ríp, (Ô-đi-xê đã nhắc lại những thử thách, những phút giây khó khăn nhưng bọn họ đã kiên trì vượt qua được trước kia như trốn thoát khỏi tên khổng lồ ăn thịt người Xi-clốp).  + Ô-đi-xê luôn biết cách chỉ đạo , hướng dẫn thuyền viên của mình, cắt cử nhiệm vụ cho mỗi người để cùng vượt qua thử thách.  + Hành động: *mặc bộ áo giáp, nắm trong tay hai ngọn lao dài, ra đứng ở mũi thuyền để quan sát tình hình, đón đầu thử thách.*  - Những lời nói và hành động đó của Ô-đi-xê cho thấy chàng là một người đầy bản lĩnh. Trong vai trò một người lãnh đạo, chàng luôn bình tĩnh để xem xét tình hình, động viên bạn bè chiến hữu, nhận phần nguy hiểm về phần mình.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời được 2 ý như đáp án: 0,75 điểm.*  *- Trả lời được 1 ý như đáp án: 0,5 điểm* | 0,75 |
|  | **6** | * Đảm bảo hình thức đoạn văn. * Nội dung*: Cần làm gì để vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống?*   + Cần luôn giữ thái độ bình tĩnh để đón nhận những khó khăn, thử thách.  + Cần rèn luyện bản lĩnh vững vàng, nghị lực, ý chí bền bỉ, tinh thần quyết đoán để vượt qua khó khăn, thử thách.  + Cần phải có hiểu biết để sáng suốt, suy nghĩ chín chắn tìm ra những hướng đi đúng đắn.  + Bắt tay vào hành động từ những việc làm nhỏ nhất, kiên trì theo đuổi mục tiêu đã đặt ra.  …  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Đảm bảo hình thức đoạn văn, đúng chủ đề:0,25 điểm.*  *- Đưa ra được 2- 3 việc làm: 0,75 điểm* | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **6,0** |
|  |  | **Viết bài văn trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc vượt qua những thử thách trong cuộc sống.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,5 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Ý nghĩa của việc vượt qua những thử thách trong cuộc sống. | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| – **Giải thích**: Thử thách là những yếu tố gây khó khăn, cản trở đến việc thực hiện một công việc, một kế hoạch, một mục tiêu nào đó, buộc con người ta phải vượt qua. | 0,5 |
| – **Vì sao ta phải vượt qua những thử thách trong cuộc sống?**  + Cuộc đời vốn không bằng phẳng mà luôn có những khó khăn, vấp ngã đang chờ đón con người.  + Những khó khăn của cuộc sống là môi trường để thử thách tuổi trẻ;  –  **Ý nghĩa của việc vượt qua những thử thách trong cuộc sống:**  + Vượt qua những khó khăn, thử thách đem lại cho ta hiểu biết và kinh nghiệm thực tế; giúp chúng ta mau chóng trưởng thành về cách nghĩ, cách sống, bồi đắp tình cảm, tâm hồn, giúp mỗi người gắn bó và góp phần cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước.  + Những thử thách là môi trường giúp ta tôi luyện bản lĩnh, ý chí để ngày càng vững vàng hơn trong cuộc sống, có sức mạnh tinh thần để từng bước dấn thân vào cuộc đời; làm chủ cuộc đời của mình…  + Thử thách là cơ hội để ta khẳng định giá trị của chính mình.  + Sống cuộc đời bằng phẳng, mưu cầu sự yên bình sẽ khiến ta thiếu đi những trải nghiệm, khi đó cuộc sống của mỗi người sẽ nghèo nàn, thụ động, nhàm chán, vô ích, không cảm nhận được sự thú vị của cuộc sống.   * **Bàn luận mở rộng**:   + Tuổi trẻ cần dấn thân, tìm đến những thử thách để thể hiện và khẳng định bản thân mình, sống cuộc đời có ý nghĩa.  + Bên cạnh những bạn trẻ dám đón nhận, dám đối mặt và vượt qua những thử thách thì không ít người thấy khó khăn, thử thách là nhụt chí, bỏ cuộc. Những bạn trẻ đó đã tự đánh mất đi cơ hội đi đến thành công của chính mình.  - Nêu bài học nhận thức và hành động: Cần nhận thức được vai trò quan trọng và cần thiết của những thử thách trong cuộc sống, biết đón nhận và vượt qua để bản thân trưởng thành, vững vàng và sống đẹp hơn.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm - 2,5 điểm.*  *- Phân tích đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,0 điểm - 1,75 điểm.*  *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm - 0,75 điểm.* | 3,0 |
| - Khẳng định lại ý nghĩa của những thử thách trong cuộc sống.   * Rút ra bài học cho bản thân: Phải biết thử thách là điều tất yếu để chuẩn bị tinh thần, tìm mọi cách vượt qua và đi qua nó để cuộc sống tốt đẹp hơn.   ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**Cách 2: Kết hợp tự luận và trắc nghiệm khách quan**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Đọc hiểu đoạn trích thần thoại/sử thi  (Ngoài SGK) | 3 | 0 | 4 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu đoạn trích thần thoại  (Ngoài SGK) | **Nhận biết:**  - Xác định được phương thức biểu đạt đoạn trích/ ngôi kể/ nhân vật/ sự kiện chính,…  - Chỉ ra thông tin trong đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc sắc về nội dung của đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu…  - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, xây dựng nhân vật, chi tiết hoang đường kì ảo…  - Hiểu được một số đặc trưng của thần thoại thể hiện trong đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong đoạn trích.  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung đoạn trích. | 3TN | 4TN  1TL | 2TL | 0 | 10 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể | **Nhận biết:**  - Xác định được vấn đề cần nghị luận  - Xác định được cách thức trình bày bài văn.  **Thông hiểu:**  - Phân tích, đánh giá được chủ đề, hình thức nghệ thuật của truyện kể.  **Vận dụng:**  Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề nghị luận  **Vận dụng cao:**  Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, giàu sức thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* | 1 |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **4TN, 1TL** | **2 TL** | **1 TL** | **11** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** | ***100*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | | **100** |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**THẦN SÉT**

*Trong đám tướng lĩnh của Ngọc Hoàng, trước tiên phải kể thần Sét. Thần Sét có danh hiệu là Thiên Lôi, cũng có khi được gọi là ông Sấm. Thần có mặt mũi rất nanh ác, tiếng quát tháo rất dữ dội. Thần chuyên một việc thi hành luật pháp ở trần gian. Hành động của thần phản ánh sự thịnh nộ của Ngọc Hoàng. Thần có một lưỡi búa đá. Khi xử án kẻ nào dù là người, là vật, là cây cỏ thì thần tự mình nhảy xuống tận nơi trỏ ngọn cờ vào đầu tội nhân rồi dùng lưới búa bổ xuống đầu. Có khi xong việc, thần không mang lưỡi búa lên theo mà quẳng luôn tại đó. Thần thường ngủ về mùa đông, vào khoảng tháng Hai, tháng Ba mới lại dậy làm việc.*

*Tính thần Sét rất nóng nảy: hễ Ngọc Hoàng sai là đi ngay, hễ thấy là đánh liền cho nên cũng có lúc làm cho người, vật chết oan. Vì thế mà thần Sét đã có lúc bị Ngọc Hoàng phạt vì đánh lầm giết hại kẻ vô tội. Người ta kể chuyện: có lần thần bị bắt nằm im một nơi không cựa quậy trong một đám rừng ở thiên đình. Con gà thần của Ngọc Hoàng được lệnh thỉnh thoảng lại mổ một cái làm cho thần đau nhói cả người nhưng không biết làm thế nào đươc. Khi được Ngọc Hoàng tha, thần có thói quen là hễ thấy hoặc nghe tiếng gà là giật mình. Mỗi lần có chớp rạch, biết thần Sét sắp xuống, người hạ giới thường bắt chước tiếng gọi gà để doạ thần có lẽ cũng vì cớ đó.*

*Thần Sét kể ra thì cực oai, cực dữ, nhưng không ai có thể tưởng tượng được rằng thần bị thua Cường Bạo Đại vương(1). Mặc dầu ông Cường bạo sau rồi cũng bị thần Sét đánh chết nhưng câu chuyện này đã một dạo làm cho cả thiên đình xấu hổ.*

*(*Theo *Nguyễn Đổng Chi – Tác phẩm được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh,* Sđd, tr.87 - 88)

**Chú giải:**

*(1) Cường Bạo Đại vương:* nhân vật trong truyện cổ dân gian Việt Nam, bản tính ngang tàng, một mình chống lại các vị thần, mấy phen khiến Thiên Lôi phải thảm bại.

**Lựa chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

A. Nghị luận

B. Tự sự

C. Miêu tả

D. Biểu cảm

**Câu 2**. Xác định ngôi kể chính trong văn bản:

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 3**. Theo văn bản, thần Sét có hình dáng như thế nào?

1. Mặt mũi hiền lành
2. Mặt mũi nanh ác
3. Hình dáng khổng lồ
4. Không có hình dáng cụ thể

**Câu 4.** Phương án nào sau đây nêu đúng và đủ về tính cách của thần Sét?

A. Tính khí nóng nảy nhưng hay giúp loài người.

B. Tính khí nóng nảy, có lúc đánh lầm giết hại kẻ vô tội

C. Thích ngủ vào mùa đông

D. Tính tình nóng nảy, hung dữ nhưng cũng có điểm yếu (sợ gà)

**Câu 5.** Văn bản *Thần Sét* thể hiện nội dung chính nào dưới đây?

A. Biết ơn người có công với cộng đồng

B. Tôn vinh thần Sét

C. Giải thích hiện tượng sấm chớp ở thế giới tự nhiên

D. Biết ơn thần linh và con người

**Câu 6.** Tác giả dân gian nhằm lí giải điều gì qua chi tiết“*Thần thường ngủ về mùa đông, vào khoảng tháng Hai, tháng Ba mới lại dậy làm việc”?*

1. Thần Sét làm việc theo mùa
2. Hiện tượng sấm chớp thường xuất hiện vào mùa mưa (mùa hè*)*
3. Thần Sét thích ngủ đông
4. Thần Sét làm việc theo sự sai bảo của Ngọc Hoàng

**Câu 7.** Dòng nào dưới đây không đúng với văn bản *Thần Sét*?

A. Mang yếu tố hoang đường kỳ ảo

B. Xây dựng nhân vật chức năng nhằm cắt nghĩa, lí giải các hiện tượng tự nhiên

C. Nhân vật có khả năng phi thường

D. Truyện được kể theo lời nhân vật

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Về phương diện thể loại, văn bản *Thần Sét* giống đoạn trích nào đã học? và hãy chỉ những điểm giống nhau đó? .

**Câu 9.** Qua truyện trên, hãy nhận xét về tình cảm, thái độ của người xưa với thế giới tự nhiên.

**Câu 10. “**Niềm tin thiêng liêng về một thế giới mà ở đó vạn vật đều có linh hồn” là một trong những vẻ đẹp của thần thoại. Theo anh/chị, niềm tin ấy còn có sức hấp dẫn với con người hiện đại không? Viết câu trả lời trong đoạn văn ngắn khoảng 5 – 7 dòng.

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Theo anh/ chị, lòng biết ơn trong cuộc sống có cần thiết không ? Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của anh/chị về vấn đề này.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1 - 7** | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | | **B** | **C** | **B** | **D** | **C** | **B** | **D** |   ***Hướng dẫn chấm****:* Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm. | 3.5 |
| **8** | * Về phương diện thể loại, văn bản *Thần Sét* giống đoạn trích *Thần Trụ trời.* * Những điểm giống nhau:   + Kiểu truyện kể về các vị thần.  + Cốt truyện có yếu tố hoang đường, tưởng tượng.  + Nhằm giải thích các hiện tượng thế giới tự nhiên.  ***Hướng dẫn chấm***: Mỗi ý lớn được 0,25 điểm | 0.5 |
| **9** | Nhận xét về tình cảm, thái độ của người xưa với thế giới tự nhiên:  - Trong cái nhìn của người nguyên thuỷ, vạn vật đều có linh hồn. Người xưa sáng tạo nên các vị thần nhằm thể hiện sự lí giải về thế giới tự nhiên bằng trí tưởng tượng bay bổng. Các vị thần cũng giống như con người có khi cũng mắc lỗi lầm, cũng có lúc sai trái, có lúc nhầm lẫn. Họ gần gũi thân thiết với con người, nhưng đồng thời họ mang sức mạnh phi thường để tạo lập nên thế giới.  -Trong cách nhìn hài hước của dân gian có khi các vị thần mạnh mẽ là thế, phi thường, đáng sợ là thế, nhưng đôi khi họ cũng rất yếu đuối, hồn nhiên khi sợ hãi những thứ nhỏ bé, bình dị (Thần Sét sợ tiếng gà).  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm*  *- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0,5 điểm*  *- Trả lời sơ sài: 0,25 điểm*  *- Không trả lời: 0 điểm* | 1.0 |
| **6** | \*Đảm bảo hình thức đoạn văn.  \*Nội dung*:*  - Con người dù ở bất kì thời kì nào, dù là xa xưa hay hiện đại thì đều có khao khát khám phá thế giới tự nhiên.  - Con người xa xưa gửi gắm trong thần thoại niềm tin hồn nhiên, thiêng liêng rằng “vạn vật đều có linh hồn”, ở đó con người có thể “giao tiếp” với muôn vật và cây cỏ, kết bạn hoặc đấu tranh với các vị thần,…  - Niềm tin thiêng liêng đó của con người vẫn luôn tồn tại trong cuộc sống hôm nay, thể hiện qua các hình thức tín ngưỡng của nhân dân., làm cho đời sống tinh thần của con người thêm phong phú.  - Niềm tin ấy còn giúp cho con người biết sống gắn bó và bảo vệ thế giới tự nhiên quanh mình.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm*  *- Học sinh trả lời đúng một ý: 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm*  ***\*Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.* | 1.0 |
|  |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4.0** |
|  |  | **Theo anh/ chị, lòng biết ơn trong cuộc sống có cần thiết không? Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của anh/chị về vấn đề này.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Sự cần thiết của lòng biết ơn trong cuộc sống. | 0.5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| – Giải thích lòng biết ơn. | 0.25 |
| * Sự cần thiết của lòng biết ơn trong cuộc sống:   + Lòng biết ơn là đạo lí, là lẽ sống, là truyền thống quý báu của dân tộc.  + Lòng biết ơn là một tình cảm thiêng liêng, là cơ sở của những hành động đẹp, từ đó hình thành nên nhân cách đẹp đẽ.  + Lòng biết ơn là cơ sở để tạo nên lối sống tình nghĩa, biết hướng về nguồn cội.  + Lòng biết ơn chính là nền tảng, là tiền đề để xây dựng một xã hội tốt đẹp.  … | 1.5 |
| - Khẳng định lại ý nghĩa của lòng biết ơn trong cuộc sống.   * Rút ra bài học cho bản thân.   ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.5 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.